

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG QUANG TRUNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – 2020

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG QUANG TRUNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Lê Thị Uyên	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Nguyễn Văn Cải	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Mai Thị Vân	Giáo viên	Thành viên	
4	Trần Mỹ Ngọc	Thư ký Hội đồng	Thành viên	
5	Nguyễn Thị Đắc	Chủ tịch Công đoàn	Thành viên	
6	Nguyễn Vương Quốc Luyện	Tổ trưởng chuyên môn tổ Toán	Thành viên	
7	Trần Kim Ngọc	Tổ trưởng chuyên môn tổ Ngoại ngữ	Thành viên	
8	Lê Thành Luật	Tổ trưởng chuyên môn tổ Vật lý	Thành viên	
9	Nguyễn Văn In	Tổ trưởng chuyên môn tổ Địa lý	Thành viên	
10	Phan Văn Ly	Tổ trưởng chuyên môn tổ Sinh học	Thành viên	
11	Trương Xuân Hưng	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Thành viên	
12	Đoàn Long Việt	Tổ trưởng tổ Giám thị	Thành viên	
13	Huỳnh Cẩm Đường	Tổ trưởng chuyên môn tổ Công nghệ	Thành viên	
14	Nguyễn Hồng Quý	Trợ lý thanh niên	Thành viên	
15	Đặng Công Khánh	Bí thư Chi đoàn giáo viên	Thành viên	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	1
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	3
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	9
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	9
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	11
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	11
Mở đầu	11
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	12
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác	14
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác	16
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn, tổ văn phòng	18
Tiêu chí 1.5: Lớp học	20
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	21
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	24
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	25
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	27
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	28
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	31
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	32
Mở đầu	32
Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	32
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	34
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	36
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	38

NỘI DUNG	Trang
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	40
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	40
Mở đầu	40
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	40
Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khôi phục vụ học tập	42
Tiêu chí 3.3: Khố hành chính – quản trị	44
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	45
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	47
Tiêu chí 3.6: Thư viện	49
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	51
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	51
Mở đầu	51
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	52
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	54
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	56
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	57
Mở đầu	57
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	57
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	60
Tiêu chí 5.3: Thực hiện Chương trình giáo dục địa phương theo qui định	62
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	63
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	65
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục	67
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	71

NỘI DUNG	Trang
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	73
Phần IV. PHỤ LỤC	74

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Nội dung	Kết quả			
		Không đạt	Đạt		
			Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1	Tổ chức và quản lý nhà trường			X	
Tiêu chí 1.1	Cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường			X	---
Tiêu chí 1.2	Hội đồng trường và các Hội đồng khác				X
Tiêu chí 1.3	Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác			X	
Tiêu chí 1.4	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ Chuyên môn, tổ Văn phòng			X	
Tiêu chí 1.5	Lớp học			X	
Tiêu chí 1.6	Quản lý hành chính, tài chính và tài sản			X	
Tiêu chí 1.7	Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên			X	---
Tiêu chí 1.8	Quản lý các hoạt động giáo dục			X	---
Tiêu chí 1.9	Thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở			X	---
Tiêu chí 1.10	Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học			X	---
Tiêu chuẩn 2	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh				
Tiêu chí 2.1	Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng				X
Tiêu chí 2.2	Đối với giáo viên				X
Tiêu chí 2.3	Đối với nhân viên				X
Tiêu chí 2.4	Đối với học sinh				X
Tiêu chuẩn 3	Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học				
Tiêu chí 3.1	Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập				X

Tiêu chí 3.2	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập			X	
Tiêu chí 3.3	Khối hành chính - quản trị				X
Tiêu chí 3.4	Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước			X	---
Tiêu chí 3.5	Thiết bị			X	
Tiêu chí 3.6	Thư viện				X
Tiêu chuẩn 4	Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội				
Tiêu chí 4.1	Ban đại diện cha mẹ học sinh				X
Tiêu chí 4.2	Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường			X	
Tiêu chuẩn 5	Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục				
Tiêu chí 5.1	Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông			X	
Tiêu chí 5.2	Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện				X
Tiêu chí 5.3	Thực hiện Chương trình giáo dục địa phương theo qui định			X	---
Tiêu chí 5.4	Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp			X	---
Tiêu chí 5.5	Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh			X	
Tiêu chí 5.6	Kết quả giáo dục			X	

Tổng hợp kết quả tự đánh giá:

Số tiêu chí đạt mức 1: 28/28

Số tiêu chí đạt mức 2: 28/28

Số tiêu chí đạt mức 3: 11/20

2. Kết luận: Trường Đạt mức 2.

Phần I: CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trung học phổ thông Quang Trung

Tên trước đây (nếu có): không

Cơ quan chủ quản: Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Thành phố Hồ Chí Minh
Huyện/quận/thị xã/thành phố	Củ Chi
Xã/phường/thị trấn	Phước Thạnh
Đạt CQG	Không
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1989
Công lập	X
Tư thực	Không
Trường chuyên biệt	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không

Họ và tên Hiệu trưởng	Lê Thị Uyên
Điện thoại	(028)38929200
Fax	(028)38929122
Website: thptquangtrung.hcm.edu.vn	
Số điểm trường	01
Loại hình khác	Không
Thuộc vùng khó khăn	Không
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019
Khối lớp 10	12	12	12	12	12
Khối lớp 11	08	08	08	08	08
Khối lớp 12	08	08	08	08	08
Cộng	28	28	28	28	28

2. Số phòng học và các phòng chức năng khác

TT	Số liệu	Năm học 2014 - 2015	Năm học 2015 - 2016	Năm học 2016 – 2017	Năm học 2017 - 2018	Năm học 2018 - 2019	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	40	40	40	40	40	
1	Phòng học	30	30	30	30	30	
a	Phòng kiên cố	30	30	30	30	30	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	07	07	07	07	07	
a	Phòng kiên cố	07	07	07	07	07	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập	03	03	03	03	03	
a	Phòng kiên cố	03	03	03	03	03	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính – quản trị	11	11	11	11	11	
1	Phòng kiên cố	11	11	11	11	11	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	01	01	01	01	01	
IV	Hội trường, nhà đa năng	02	02	02	02	02	
	Cộng	54	54	54	54	54	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 06/2020

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	0	0	0	01	
Phó Hiệu trưởng	01	0	0	0	0	01	
Giáo viên	60	36	0	0	54	06	
Nhân viên	10	06	0	0	10	0	
Cộng	72	43	0	0	64	08	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2014- 2015	Năm học 2015- 2016	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019
1	Tổng số giáo viên	65	64	64	63	63
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	2,32 65/28	2,29 64/28	2,29 64/28	2,25 63/28	2,25 63/28
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	6,91 65/940	6,57 64/974	6,46 64/991	6,37 63/989	6,02 63/1047
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	24	14	16	20	23
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	02	0

4. Học sinh

a) Số liệu chung

T T	Số liệu	Năm học 2014- 2015	Năm học 2015- 2016	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	909	974	991	989	1047	
	- Nữ	514	548	562	560	584	
	- Dân tộc	04	02	02	0	04	
	- Khối lớp 10	379	413	375	386	413	
	- Khối lớp 11	281	301	329	291	343	
	- Khối lớp 12	249	260	287	312	291	
2	Tổng số tuyển mới	349	379	372	373	395	
3	Học 2 buổi/ngày	909	974	991	989	1047	
4	Bán trú	0	0	0	0	0	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/lớp học	33	35	35	35	37	
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	753 82,84%	855 90,86%	881 88,90%	881 89,08%	963 91,98%	
	- Nữ	452 87,94%	502 91,61%	513 91,28%	515 91,96%	540 92,47%	
	- Dân tộc	4/3 nữ	2/2 nữ	3/2 nữ	0	4/3 nữ	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp	06	03	05	06	04	

	huyện/tỉnh (nếu có)						
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	0	0	0	0	0	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	136	56	115	119	104	
	- <i>Nữ</i>	78	38	72	70	65	
	- <i>Dân tộc</i>	0	0	0	01	01	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	43	83	55	47	46	

b) Kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2014- 2015	Năm học 2015- 2016	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	13,97	17,45	21,70	27,10	21,39	
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	28,60	30,80	32,49	34,07	34,77	
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	18,92	16,74	11,40	7,08	14,81	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	70,85	72,38	79,21	89,18	81,57	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	22,44	19,51	15,74	9,30	14,90	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	5,72	7,19	4,14	1,31	2,96	

Phần II: TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Trung học phổ thông Quang Trung tọa lạc tại xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, là trung tâm của 3 xã Phước Thạnh, Phước Hiệp, Thái Mỹ cách thị trấn Củ Chi khoảng 10km về hướng Tây, cách Trung tâm thành phố hơn 50km về phía Tây Bắc.

Trường được thành lập trên cơ sở tách ra từ trường Trung học phổ thông Củ Chi (năm học 1988 – 1989 là phân hiệu Phước Thái Trung) và chuyển phân hiệu Phước Thái Trung thành Trường Trung học phổ thông Quang Trung theo Quyết định số 371/QĐ-UB ngày 26/6/1989 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Chất lượng giáo dục trong 5 năm (tính từ năm 2014 đến 2019) Trường Trung học phổ thông Quang Trung đã duy trì ổn định. Tỷ lệ học sinh lên lớp ngày một nâng cao. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông trong 5 năm qua là luôn đạt tỷ lệ cao hơn tỷ lệ bình quân của thành phố. Tỷ lệ học sinh đỗ vào các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp ngày càng khởi sắc.

Để đạt được kết quả đó, trong những năm qua, toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường Trung học phổ thông Quang Trung đã xây dựng khối đoàn kết nội bộ vững mạnh, phát huy tính dân chủ, kỷ cương, kỉ luật lao động, thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động: “Học tập và làm theo tấm gương tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”. Bên cạnh đó, đội ngũ giáo viên của trường luôn cố gắng tự bồi dưỡng, trau dồi chuyên môn, đã có 06 giáo viên có trình độ thạc sĩ, nhiều giáo viên đạt danh hiệu giáo viên giỏi cấp trường, cấp cụm và cấp thành phố, số lượng chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hàng năm luôn đạt tỷ lệ cao nhất cho phép.

2. Mục đích tự đánh giá

Thực hiện Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; góp phần hoàn thành một trong những tiêu chí nông thôn mới của huyện Củ Chi.

Ngoài ra, việc tự đánh giá là để nhà trường tự xem xét, chỉ ra điểm mạnh, điểm yếu đối với các hoạt động giáo dục của nhà trường, tìm ra nguyên nhân của các hạn chế

để từ đó xây dựng các biện pháp nhằm cải tiến các hoạt động, nâng cao chất lượng và hiệu quả, đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo Dục và Đào tạo ban hành.

3. Tóm tắt quá trình tự đánh giá

a) Thành lập hội đồng tự đánh giá

Căn cứ theo Điều 23, Điều 24 và Điều 25, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT của Bộ Trưởng Bộ Giáo Dục và Đào tạo về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, Hiệu trưởng ra Quyết định số 129/QĐ-THPT QT ngày 18 tháng 09 năm 2019 về thành lập Hội đồng tự đánh giá với cơ cấu thành viên hợp lý, đúng quy định. Thông báo đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên ngày 23 tháng 09 năm 2019.

b) Xây dựng kế hoạch tự đánh giá

Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn, Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá xây dựng nội dung trong Kế hoạch tự đánh giá số 129 – 2/KH-THPT QT ngày 18 tháng 09 năm 2019, xác định trình tự các hoạt động tự đánh giá, thời gian hoàn thành cụ thể, chi tiết.

Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá thường xuyên theo dõi, đôn đốc, đánh giá việc thực hiện kế hoạch để điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

c) Xác định, thu thập và phân tích các minh chứng từ 14/01/2020 đến 10/02/2020

Tổ thư ký phân tích nội hàm và xác định các minh chứng cần thu thập.

Nhận minh chứng, tiến hành phân tích các minh chứng. Sử dụng các minh chứng phù hợp, loại những minh chứng không minh họa cho nội hàm.

Sắp xếp minh chứng theo quy định.

d) Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí từ 11/02/2020 đến 08/03/2020

Tổ thư ký lập phiếu đánh giá tiêu chí trên cơ sở nội hàm của tiêu chí và các minh chứng có được.

Hội đồng tự đánh giá tiến hành phân tích, đánh giá các nội dung của từng phiếu đánh giá. Đề nghị điều chỉnh, bổ sung những điểm chưa hợp lý hoặc còn thiếu sót.

Tổ thư ký ghi nhận và tiến hành điều chỉnh, bổ sung theo các góp ý của Hội đồng.

e) Viết báo cáo tự đánh giá từ 09/03/2020 đến 15/03/2020

Báo cáo được trình bày theo cấu trúc và hình thức đúng hướng dẫn.

Tiến hành lấy ý kiến đóng góp của cán bộ, giáo viên và nhân viên trường. Từ đó, tổ thư ký hoàn thiện báo cáo.

Gửi báo cáo đã được chỉnh sửa đến các bộ phận để tiếp tục góp ý, hoàn chỉnh lần cuối.

Hiệu trưởng xem xét phê duyệt.

f) Công bố báo cáo tự đánh giá trong tập thể sư phạm nhà trường ngày 16/03/2020.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Thực hiện tốt công tác tổ chức và quản lý nhà trường sẽ góp phần rất quan trọng giúp nhà trường xây dựng kế hoạch chiến lược đúng đắn, xác định các mục tiêu hợp lý, huy động và phát huy các nguồn lực hiện có nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ đã đề ra. Đồng thời, việc này sẽ giúp điều hành các hoạt động trong nhà trường một cách thuận lợi, đúng các quy định và đảm bảo quyền lợi cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Căn cứ theo Thông tư số 12/2011/TT-BGĐT ngày 28 tháng 03 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học, trường Trung học phổ thông Quang Trung có đầy đủ cơ cấu tổ chức trong nhà trường và được thành lập đúng quy định gồm: Chi bộ Đảng, Công đoàn cơ sở, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chi đoàn giáo viên, Ban đại diện Cha mẹ học sinh. Nhà trường có Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật, tổ chuyên môn, tổ Văn phòng được thành lập đúng quy định.

Nhiều năm qua, trường Trung học phổ thông Quang Trung luôn tổ chức bộ máy nhà trường một cách phù hợp nhất với thực tế đội ngũ hiện có và đảm bảo tính pháp lý. Đồng thời, công tác quản lý nhà trường được thực hiện một cách khoa học, công bằng, khách quan, đảm bảo tính dân chủ và tuân thủ nghiêm các quy định hiện hành.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế – xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường tiến hành xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục cấp Trung học phổ thông được quy định theo Khoản 4, Điều 27, Luật Giáo dục (2005): “*Giáo dục Trung học phổ thông nhằm giúp học sinh củng cố và phát triển những kết quả của giáo dục trung học cơ sở; hoàn thiện học vấn phổ thông và có những hiểu biết thông thường về kỹ thuật và hướng nghiệp có điều kiện phát huy năng lực cá nhân để lựa chọn hướng phát triển, tiếp tục Đại học, Cao đẳng, Trung cấp học nghề hoặc đi vào cuộc sống lao động*” [H1-1.1-01].

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch năm học dựa trên các mục tiêu chiến lược phát triển phù hợp trong từng giai đoạn, từng thời kỳ, đảm bảo sự phù hợp với các đặc thù phát triển kinh tế – xã hội của địa phương xã Phước Thạnh và huyện Củ Chi. Tiến hành rà soát, bổ sung, chỉnh sửa phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường cho hợp lý [H1-1.1-02].

Chiến lược phát triển trường Trung học phổ thông Quang Trung giai đoạn 2018 – 2023 phù hợp, có tính khả thi vì được xây dựng trên cơ sở:

- Nguồn nhân lực: Nhà trường luôn chú trọng công tác thu hút, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực hiện có đồng thời tham mưu cơ quan chủ quản trong việc bổ sung thêm nguồn nhân lực phục vụ cho công tác giảng dạy thông qua các kỳ thi sát hạch, tuyển

dụng viên chức để đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng, cơ cấu cho tất cả các môn học và đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn [H1-1.1-03].

- Nguồn tài chính: Hằng năm các hoạt động của nhà trường chủ yếu dựa vào nguồn kinh phí được cấp từ ngân sách nhà nước, nguồn thu quỹ học phí theo quy định của cơ quan chủ quản về các nguồn thu đối với các cấp học của ngành Giáo dục và Đào tạo và sự đóng góp xây dựng quỹ xã hội hóa giáo dục của các mạnh thường quân [H1-1.1-04].

- Cơ sở vật chất: Nhà trường có cơ sở vật chất được trang bị tốt, đầy đủ các phòng học, phòng bộ môn; đủ thiết bị, đồ dùng dạy học, cơ cấu các khối công trình được xây dựng đồng bộ, khang trang; có sân chơi, bãi tập cho học sinh, đáp ứng việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng chuẩn hoá hiện đại hóa [H1-1.1-05].

b) Nhà trường xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển trên cơ sở lấy ý kiến đóng góp từ tập thể Hội đồng sư phạm, sau đó tổng hợp trình Giám đốc Sở Giáo dục – Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt. Nhà trường thường xuyên rà soát, bổ sung, chỉnh sửa các mục tiêu cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của địa phương, của ngành [H1-1.1-06]; [H1-1.1-07].

c) Văn bản phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được công bố công khai rộng rãi bằng hình thức niêm yết trên cổng thông tin điện tử của nhà trường, tại bảng tin Phòng hội đồng sư phạm, các phòng hành chính để mọi thành viên cùng xem đóng góp ý kiến xây dựng cho phù hợp [H1-1.1-08]; [H1-1.1-09].

Mức 2:

Chi bộ chỉ đạo Công đoàn cơ sở, Ban Thanh tra nhân dân và các đồng chí đảng viên giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Bên cạnh đó, Hiệu trưởng phân công các tổ trưởng chuyên môn giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển, đặc biệt là đối với các nội dung có liên quan đến tổ mình [H1-1.1-07].

Mức 3:

Đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng đề nghị tập thể sư phạm nhà trường họp góp ý các thiếu sót trong hoạt động việc thực hiện kế hoạch chiến lược. Bên cạnh đó, Hiệu trưởng tiếp thu ý kiến của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng để rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương

hướng, chiến lược xây dựng và phát triển sao cho phù hợp nhất với thực tế nhà trường và yêu cầu mới của ngành, của xã hội [H1-1.1-07].

2. Điểm mạnh

Chiến lược phát triển có sự tham gia đóng góp ý kiến và đồng thuận cao của toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Các mục tiêu trong chiến lược phát triển có tính hiệu quả, khả thi, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường và của địa phương trong từng giai đoạn.

3. Điểm yếu

Văn bản phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng. Việc rà soát, bổ sung chưa được thực hiện một cách định kỳ và hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

định kỳ rà soát, bổ sung, chỉnh sửa kịp thời và hoàn thiện chiến lược phát triển của nhà trường. Phân đầu đạt mục tiêu phát triển giáo dục phổ thông cấp Trung học phổ thông giai đoạn tiếp theo. Trong năm học tới, Hiệu trưởng có chỉ đạo Ban công nghệ thông tin nhà trường tiến hành đăng tải phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường trên các phương tiện thông tin đại chúng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định của Giám đốc Sở Giáo dục – Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh với đúng các thủ tục, quy trình và thành phần theo nhiệm kỳ 5 năm [H1-1.2-01]. Mỗi năm học, Hiệu trưởng đều thành lập Hội đồng thi đua và khen thưởng gồm: Lãnh đạo nhà trường, Chủ tịch công đoàn cơ sở, Trợ lý Thanh niên, các tổ trưởng chuyên môn. Hội đồng họp thống nhất tiêu chuẩn thi đua, phổ biến

trong Hội đồng sư phạm. Mỗi học kỳ và cuối năm học, Hội đồng thi đua khen thưởng họp để bình chọn các danh hiệu thi đua theo các tiêu chuẩn, chấm điểm cụ thể sau khi cá nhân tự đánh giá cho điểm, tổ chuyên môn đóng góp ý kiến và thống nhất có biên bản họp tổ và lưu hồ sơ [H1-1.2-02].

- Hằng năm nhà trường còn thành lập Hội đồng kỷ luật để xem xét xử lý vi phạm của học sinh về nội quy nhà trường. Quyết định phân công rõ trách nhiệm của từng thành viên trong Hội đồng theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học [H1-1.2-03].

Ngoài ra, nhà trường còn thành lập các Hội đồng khác như: Hội đồng coi, chấm kiểm tra học kỳ, Hội đồng chấm đề tài khoa học và sáng kiến, Hội đồng xét duyệt kết quả kiểm tra lại... [H1-1.2-04]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-05].

b) Hội đồng trường hoạt động theo đúng chức năng và quyền hạn theo quy định tại Điều lệ trường trung học, mỗi năm họp ít nhất ba lần. Bên cạnh đó, các hội đồng khác như: Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật, và các Hội đồng khác cũng thực hiện đúng theo chức trách và công việc được giao, các hoạt động trong năm học đều có biên bản và sổ họp ghi chép lại đầy đủ và có sự giám sát của Ban Thanh tra nhân dân [H1-1.2-06]; [H1-1.2-07]; [H1-1.2-08].

c) Sau mỗi học kỳ các tổ chức đoàn thể trong nhà trường tiến hành rà soát, kiểm điểm, đánh giá các hoạt động, từ đó nêu phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới [H1-1.2-07]; [H1-1.2-09].

Mức 2:

Hội đồng trường hoạt động có hiệu quả, chủ động trong việc xây dựng chiến lược, lập kế hoạch phát triển của trường trong từng giai đoạn, thể hiện đúng chức năng nhiệm vụ của Hội đồng trường theo Điều lệ trường trung học. Điều này đã giúp nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường qua từng năm.

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập và tổ chức hoạt động hiệu quả. Các thành viên trong hội đồng phối hợp hoạt động nhịp nhàng, thực hiện tốt được vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong nhà trường và thực hiện các công việc đạt được hiệu quả cao.

3. Điểm yếu

Các thành viên liên quan đến các Hội đồng chưa được tập huấn nhiều về công tác chuyên môn nghiệp vụ, cách thức tổ chức hoạt động. Do vậy việc giải quyết các vấn đề

thuộc lĩnh vực phụ trách đôi lúc còn lúng túng, chưa thực hiện kịp tiến độ công việc được giao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động của từng hội đồng, phát huy vai trò của từng thành viên trong Hội đồng, ổn định về cơ cấu tổ chức của các hội đồng theo quy định của Điều lệ trường trung học. Bồi dưỡng kiến thức, tổ chức tập huấn nhằm nâng cao nghiệp vụ cho các thành viên trong hội đồng khi tham gia hoạt động trong các hội đồng của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- b) Hoạt động theo quy định;*
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

- a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.*

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Trường có tổ chức Công đoàn hoạt động theo sự chỉ đạo của Chi bộ nhà trường, luôn bảo đảm mọi quyền lợi của Công đoàn viên [H1-1.3-01].

Có tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoạt động dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chi bộ, Ban lãnh đạo nhà trường [H1-1.3-02].

Chi đoàn giáo viên được thành lập và hỗ trợ các hoạt động của nhà trường, Đoàn trường [H1-1.3-03].

b) Các đoàn thể hoạt động theo đúng quy định và góp phần quan trọng vào sự nghiệp giáo dục của nhà trường [H1-1.3-07]; [H1-1.3-08]; [H1-1.3-09].

c) Hàng năm, các tổ chức trên đều rà soát, đánh giá các hoạt động trong năm. Xác định ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân để từ đó bổ sung, điều chỉnh kế hoạch ngày càng phù hợp hơn [H1-1.3-04]; [H1-1.3-10]; [H1-1.3-11].

Mức 2:

a) Chi bộ Trường Trung học phổ thông Quang Trung gồm có 17 đảng viên, cấp ủy gồm 4 thành viên trong đó có 01 Bí thư và 01 Phó Bí thư. Chi bộ sinh hoạt và lãnh đạo mọi công tác trong nhà trường đúng quy định. Trong 05 năm gần đây, chi bộ đều đạt danh hiệu từ “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” đến “Trong sạch vững mạnh” [H1-1.3-05].

b) Công đoàn cơ sở, Đoàn trường, chi đoàn giáo viên có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng. Cụ thể, Công đoàn cơ sở luôn sâu sát với tập thể, nắm bắt và phản ánh kịp thời tâm tư nguyện vọng của công đoàn viên, chăm lo cho quyền lợi chính đáng của công đoàn viên và được cấp trên khen thưởng về thành tích tốt trong hoạt động [H1-1.3-06]. Tuy nhiên, Công đoàn cơ sở chưa thể tham gia tất cả các hoạt động phong trào do Công đoàn ngành tổ chức do khó khăn về khoảng cách di chuyển.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, chi đoàn giáo viên thực hiện tốt vai trò dẫn dắt, giáo dục học sinh. Thường xuyên tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, các cuộc thi năng khiếu, các hoạt động sinh hoạt tập thể, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa để vừa tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích vừa giúp học sinh tự giáo dục và rèn luyện [H1-1.3-06].

Mức 3:

a) Trong 05 năm gần đây, chi bộ đều đạt danh hiệu từ “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” đến “Trong sạch vững mạnh” [H1-1.3-05].

b) Trong 05 năm qua, Công đoàn cơ sở, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, chi đoàn giáo viên đã có nhiều đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng, được cấp trên khen thưởng về thành tích tốt trong hoạt động [H1-1.3-06].

2. Điểm mạnh

Chi bộ thể hiện được vai trò lãnh đạo trong tất cả các hoạt động của nhà trường.

Các đoàn thể hoạt động hiệu quả, phát huy được vai trò dân vận và chăm lo cho quần chúng.

Công tác rà soát, đánh giá hoạt động của chi bộ và các đoàn thể được thực hiện hiệu quả.

3. Điểm yếu

Do trường nằm ở ngoại thành nên Công đoàn cơ sở chưa tham gia nhiều các hoạt động phong trào của Công đoàn ngành.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong các năm tiếp theo, chi bộ và các đoàn thể tiếp tục phát huy hơn nữa vai trò của tổ chức mình. Các đoàn thể giữ vững danh hiệu đã đạt được, riêng chi bộ phấn đấu đến năm 2023 đạt danh hiệu “Trong sạch vững mạnh” ít nhất 01 lần. Từ năm học 2020 – 2021, Công đoàn cơ sở cố gắng sắp xếp tham gia hoạt động phong trào do Công đoàn ngành tổ chức.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Trung học phổ thông Quang Trung là trường trung học phổ thông hạng I. Trước 01/4/2020, nhà trường có đủ số lượng hiệu trưởng theo quy định. Từ 01/04/2020, nhà trường còn khuyết 01 chức danh phó hiệu trưởng, hiện có 01 Hiệu trưởng; 01 Phó Hiệu trưởng [H1-1.4-01].

b) Trường có 11 tổ chuyên môn (bộ môn Giáo dục công dân có 02 giáo viên nên sinh hoạt ghép với bộ môn Lịch sử, biên chế thành tổ Lịch Sử – Giáo dục công dân) và tổ văn phòng theo quy định [H1-1.4-02].

c) Hằng năm, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với thực tế đơn vị và đúng quy định. Tất cả các kế hoạch đều được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt [H1-1.4-03].

Mức 2:

a) Nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn thực hiện chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục trong năm học. Các tổ chuyên môn thực hiện tương đối tốt các chuyên đề. Trung bình mỗi năm có từ 05 đến 06 chuyên đề được thực hiện [H1-1.4-04].

b) Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động mỗi học kì một lần để điều chỉnh kế hoạch năm học sau ngày càng khoa học hơn [H1-1.4-05].

Mức 3:

a) Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng không ngừng cải tiến các hoạt động theo hướng phục vụ cho nhiệm vụ đổi mới phương pháp dạy học, phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học, có đóng góp lớn trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H1-1.4-06].

b) Các hoạt động chuyên đề của các tổ chuyên môn tạo nên sự thúc đẩy giúp học sinh tích cực hơn trong học tập, đồng thời tạo thêm sân chơi bổ ích cho học sinh. Tuy nhiên, số lượng các buổi chuyên đề còn khá hạn chế nên chưa thật sự tạo được động lực giúp cải thiện thành tích học tập của học sinh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.4-04]; [H1-1.4-06].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ cán bộ quản lí, tổ trưởng chuyên môn có năng lực chuyên môn cao,

nghệ thuật, chỉ đạo tốt các hoạt động trong nhà trường.

Các tổ chuyên môn có cơ cấu hợp lý và tham mưu tổ chức các hoạt động chuyên đề góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu

Việc thực hiện chuyên đề chuyên môn chưa được đều tay, một vài tổ chưa tổ chức tốt các chuyên đề của tổ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong mỗi năm tiếp theo, lãnh đạo nhà trường cử ít nhất 02 cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn tham dự các lớp học nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quản lý. Các tổ trưởng chuyên môn thực hiện cải tiến hoạt động của tổ để đáp ứng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ. Phân đấu đến năm học 2020 – 2021, 100% tổ chuyên môn tổ chức bài bản các chuyên đề chuyên môn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

a/ Có đủ các lớp của cấp học;

b/ Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;

c/ Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp, Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhiều năm nay, trường có 28 lớp với đủ 3 khối của cấp học, việc ấn định số lượng lớp của mỗi khối phụ thuộc vào số học sinh của từng khối trong mỗi năm học, cụ thể năm học 2019 – 2020 có 11 lớp khối 10, 8 lớp khối 11, 9 lớp khối 12 [H1-1.5-01].

b) Học sinh được xếp lớp theo nguyên tắc đảm bảo sự đồng đều về học lực, hạnh kiểm và giới giữa các lớp trong một khối. Các lớp học được tổ chức theo đúng qui định quy định với 1 lớp trưởng và 2 lớp phó, được biên chế thành 04 tổ, mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó được tập thể bầu chọn vào đầu mỗi năm học [H1-1.5-02].

c) Các lớp hoạt động theo nguyên tắc tự quản dưới sự điều động của ban cán sự lớp và sự quản lí của giáo viên chủ nhiệm, giám thị và Ban lãnh đạo nhà trường. Các vấn đề liên quan đến lớp đều do tập thể lớp bàn bạc, quyết định và tổ chức thực hiện [H1-1.5-02].

Mức 2:

Hàng năm, số lớp học của trường giữ ổn định là 28 lớp. Sĩ số học sinh trong lớp được đảm bảo theo đúng quy định [H1-1.5-03].

Mức 3:

Học sinh được phân bổ đều giữa các lớp cùng khối, giữa các lớp trong trường, Sĩ số bình quân các lớp không quá 40 em. Tuy nhiên, có vài lớp trên 40 học sinh [H1-1.5-03].

2. Điểm mạnh

Lớp học được tổ chức hợp lí, quản lí chặt chẽ trên tinh thần tự quản và dân chủ. Đội ngũ cán bộ lớp chủ động, tích cực.

3. Điểm yếu

Một số lớp khối 10, 11 có số học sinh vượt quá 40 học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong các năm tiếp theo, nhà trường tổ chức bồi dưỡng kỹ năng cho ban cán sự lớp để các em thực hiện tốt hơn nữa hoạt động tự quản.

Cố gắng đến năm học 2020 – 2021, phân bổ số lượng học sinh các lớp khối 11 không quá 40 học sinh một lớp.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.6: Quản lí hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế

chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ đầy đủ đúng Luật lưu trữ và quy định tại Điều 27, Chương II, Điều lệ trường trung học, các hồ sơ được sắp xếp khoa học theo các mục và theo từng năm học.

Đối với nhà trường: Sổ đăng bộ [H1-1.6-01]; sổ chuyển đi, chuyển đến [H1-1.6-02]; sổ gọi tên và ghi điểm [H1-1.6-03]; sổ ghi đầu bài [H1-1.6-04]; học bạ học sinh [H1-1.6-05]; sổ quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ [H1-1.6-06]; hồ sơ thi đua [H1-1.6-07]; hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên và nhân viên [H1-1.6-08]; sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi, đến [H1-1.6-09]; sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục [H1-1.6-10]; sổ quản lý tài chính [H1-1.6-11]; hồ sơ quản lý thư viện [H1-1.6-12]; hồ sơ theo dõi sức khỏe học sinh [H1-1.6-13].

Đối với tổ chuyên môn: Kế hoạch hoạt động tổ chuyên môn [H1-1.4-03] và sổ biên bản ghi nội dung các cuộc họp chuyên môn [H1-1.6-14].

Đối với giáo viên: Giáo án [H1-1.6-15]; kế hoạch giảng dạy [H1-1.6-16] và ghi chép sinh hoạt chuyên môn [H1-1.6-17]; sổ dự giờ thăm lớp [H1-1.6-18]; sổ điểm cá nhân [H1-1.6-19]; sổ chủ nhiệm (đối với giáo viên làm công tác chủ nhiệm lớp) [H1-1.6-20].

b) Kế hoạch thu chi nội bộ được thực hiện theo đúng quy chế thông qua Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức vào đầu mỗi năm học. Mỗi năm, Quy chế chi tiêu nội bộ

luôn được bổ sung, cập nhật để phù hợp với tình hình thực tế và quy định hiện hành [H1-1.6-21].

Hàng năm, việc lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất được thực hiện đúng tiến độ và đúng quy định. Nhà trường đều thực hiện công khai định kỳ về tình hình tài chính, tài sản theo quy định bằng cách niêm yết tại bảng thông báo trong phòng hội đồng giáo viên [H1-1.6-22].

c) Ban mua sắm, Ban Thanh tra nhân dân và tập thể sư phạm nhà trường luôn giám sát chặt chẽ việc quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường, đảm bảo luôn được thực hiện đúng mục đích, góp phần phục vụ có hiệu quả các hoạt động giáo dục [H1-1.6-23].

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của trường như sử dụng phần mềm IMAS (phần mềm về kế toán hành chính, sự nghiệp); soạn thảo, lưu trữ, quản lý văn bản, quản lý hồ sơ giáo viên và học sinh, báo cáo EPMIS, sổ điểm điện tử Vietschool... [H1-1.6-24]; [H1-1.6-25].

b) Trong 05 năm (từ 2015 đến 2019), nhà trường không có vi phạm nào liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H1-1.6-26].

Mức 3:

Việc tạo ra các nguồn lực tài chính được thực hiện theo quy định của nhà nước về các khoản thu trong nhà trường. Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương: dự toán thu chi theo giai đoạn, dự toán thu chi hàng năm, kế hoạch thu học phí và các khoản tài trợ từ cha mẹ học sinh. Ngoài ra, nhà trường không thực hiện các khoản thu nào không có trong văn bản quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo cũng như của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.6-27].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên làm công tác hành chính, kế toán là những người giàu kinh nghiệm, có trách nhiệm, chủ động tiếp thu và ứng dụng cái mới (đặc biệt là công nghệ thông tin) vào công việc có hiệu quả.

Vấn đề tài chính, tài sản của nhà trường luôn được công khai, minh bạch nên tạo được sự tin tưởng và thống nhất cao trong toàn bộ giáo viên, nhân viên nhà trường và cha mẹ học sinh.

3. Điểm yếu

Vì trường nằm ở địa bàn nông thôn, đời sống người còn nhiều khó khăn nên việc huy động đóng góp hỗ trợ từ địa phương, cha mẹ học sinh còn ở mức thấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục đẩy mạnh sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin vào việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản của nhà trường. Công khai, minh bạch trong hoạt động thu chi, quản lý tài sản, tài chính.

Phân đầu đến năm 2022, lãnh đạo nhà trường có thể xây dựng kế hoạch tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Mỗi năm học, nhà trường luôn có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Đề ra các biện pháp cụ thể để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường [H1-1.7-01].

b) Trong quá trình hoạt động, cán bộ quản lý nhà trường đã phân công sử dụng cán bộ, giáo viên và nhân viên rõ ràng, hợp lý, phù hợp năng lực chuyên môn của mỗi cá nhân và đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường. Có quyết định phân công tổ

trưởng chuyên môn cụ thể rõ ràng, phân công giáo viên chủ nhiệm lớp. Song song đó, các tổ trưởng tiến hành họp tổ chuyên môn, phân công công tác chuyên môn cho các thành viên trong tổ. Công việc được tiến hành luôn đảm bảo tính vừa sức, công bằng và luôn đạt được tính đồng thuận cao trong nội bộ giáo viên và công nhân viên nhà trường [H1-1.4-02]; [H1-1.7-02]. Chính vì vậy, nhà trường luôn đảm bảo hiệu quả trong các hoạt động giáo dục đã được đề ra từ đầu năm học [H1-1.7-03].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nhà trường luôn được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 32 của Điều lệ trường trung học và các văn bản hiện hành khác [H1-1.7-04].

Mức 2:

Nhà trường luôn chú trọng vào các biện pháp phát huy năng lực của cán bộ, giáo viên và nhân viên trong việc nâng cao chất lượng giáo dục thông qua các kế hoạch giáo dục của trường, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng [H1-1.7-01]; [H1-1.7-05].

Hằng năm, nhà trường luôn tạo điều kiện cho giáo viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận chính trị [H1-1.7-06].

2. Điểm mạnh

Công tác quản lý đội ngũ được thực hiện khoa học, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên học tập chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Điểm yếu

Số lượng giáo viên trên chuẩn còn ít (8/63, tỉ lệ 12,7%).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục thực hiện tốt việc quản lý đội ngũ trong thời gian tới. Phân đầu đến năm 2025, trường có 15% giáo viên trên chuẩn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động

giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Vào đầu mỗi năm học, nhà trường luôn nắm bắt kịp thời tình hình cán bộ, giáo viên, nhân viên, tình hình học sinh để đề ra các kế hoạch giáo dục phù hợp với các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, với điều kiện thực tế của địa phương và điều kiện của nhà trường [H1-1.7-05].

b) Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc và đầy đủ kế hoạch năm học đã đề ra. Và để đảm bảo hiệu quả công tác, định kỳ nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục cho phù hợp theo từng quý, từng học kì [H1-1.8-01].

Mức 2:

Nhằm kiểm tra đánh giá hiệu quả chất lượng các hoạt động giáo dục, mỗi năm học nhà trường luôn có kế hoạch kiểm tra nội bộ. Kế hoạch này được triển khai rộng rãi trong toàn trường, tổ trưởng cùng tổ phó (nếu có) của các tổ chịu trách nhiệm kiểm tra các thành viên trong tổ theo từng chuyên đề mà Ban lãnh đạo nhà trường đề ra. Tổ trưởng chuyên môn sẽ chịu sự thanh kiểm tra của Ban lãnh đạo. Kết quả thanh tra giáo viên được đánh giá dựa trên kết quả giảng dạy, khả năng quản lý lớp, hồ sơ sổ sách [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03].

Bên cạnh đó, việc quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định tại Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về dạy thêm và học thêm cũng được nhà trường đảm bảo tốt. Dưới sự kiểm tra giám sát của Ban lãnh đạo nhà trường cũng như sự giám sát của tập thể sư phạm, nhà trường luôn đảm bảo trường không có giáo viên nào tham gia dạy thêm và học thêm.

2. Điểm mạnh

Ban lãnh đạo nhà trường, cán bộ, giáo viên, nhân viên tâm huyết và trách nhiệm cao trong công việc nên luôn xây dựng được kế hoạch giáo dục năm học phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

Kế hoạch kiểm tra nội bộ công khai, rõ ràng, đảm bảo tính công bằng và giám sát được một cách tổng thể các hoạt động giáo dục của nhà trường.

100% cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện tốt qui định về dạy thêm, học thêm.

3. Điểm yếu

Phân đánh giá hiệu quả của các hoạt động giáo dục chưa thực sự cụ thể, chưa chỉ ra được tất cả các hạn chế và nguyên nhân của chúng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Không ngừng rà soát, bổ sung kế hoạch giáo dục hàng năm cho phù hợp nhất với thực tế nhà trường đồng thời đáp ứng được yêu cầu giáo dục trong giai đoạn mới.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

a) Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã xây dựng dự thảo kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường dựa trên các thông tư, quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như Sở Giáo dục và Đào tạo. Tiếp theo, những kế hoạch trên được đưa xuống các tổ chuyên môn góp ý một cách công khai, dân chủ [H1.1.9.01]. Ý kiến đóng góp của các thành viên mỗi tổ chuyên môn (một số giáo viên, nhân viên chưa mạnh dạn thể hiện ý kiến cá nhân) sẽ được tổng hợp và giải đáp cũng như thống nhất để bổ sung vào dự thảo và áp dụng trong năm học tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức [H1-1.9-02]. Các kế hoạch của nhà trường luôn nhận được sự đồng thuận cao trong cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường và được chứng minh bằng hiệu quả công việc cũng như kết quả cuối năm học.

b) Nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc qui định pháp luật, luật giáo dục cũng như giải đáp rõ ràng tất cả những khiếu nại, thắc mắc của cán bộ, giáo viên, nhân viên kể cả của phụ huynh học sinh, cho nên chưa có trường hợp nào khiếu nại tố cáo xảy ra.

c) Hàng năm, nhà trường luôn báo cáo đầy đủ, rõ ràng về việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, thể hiện rõ nét mặt làm được, chưa làm được và phương hướng sắp đến [H1-1.9-03].

Mức 2:

Để đảm bảo tính công khai, minh bạch, hiệu quả, nhà trường đã có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở như sau: Đoàn thể giám sát; giám sát nội bộ; giám sát của ban thanh tra nhân dân; giám sát của cán bộ, giáo viên, nhân viên. Chính vì vậy, nhà trường luôn đạt được hiệu quả công tác tốt và tính đồng thuận cao trong nội bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.9-04]; [H1-1.9-05].

2. Điểm mạnh

Quy chế dân chủ cơ sở được thực hiện nghiêm túc. Cán bộ quản lý nghiêm túc lắng nghe, giải đáp thắc mắc kịp thời, triệt để. Không có khiếu nại tố cáo trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Vẫn còn một số ít cán bộ, giáo viên, nhân viên chưa thật sự mạnh dạn trong đấu tranh tự phê bình và phê bình.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong các năm tiếp theo, lãnh đạo nhà trường đẩy mạnh việc tuyên truyền, giám sát thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở trong toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trường. Cán bộ quản lý cũng như cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường cần luôn đảm bảo tính công khai, minh bạch và hiệu quả trong công việc; đồng thời, đẩy mạnh hoạt động tự phê bình và phê bình.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bữa ăn cho học sinh

được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

a) Đầu mỗi năm học, nhà trường luôn có phương án đảm bảo an ninh trật tự và an toàn trường học. Đối với an ninh trật tự: hợp đồng với công an địa phương đảm bảo an ninh trật tự tại đơn vị [H1-1.10-01]. Thực hiện thường xuyên công tác phòng chống cháy nổ, luôn kiểm tra định kỳ và đảm bảo tốt các thiết bị phòng cháy chữa cháy [H1-1.10-02]. Luôn có kế hoạch tuyên truyền để đảm bảo an toàn phòng, chống tai nạn thương tích, đặc biệt nhà trường đã thống kê số lượng học sinh biết và chưa biết bơi để tổ chức dạy bơi cho học sinh nhằm chống tai nạn đuối nước. Đối với công tác an toàn thực phẩm, nhân viên y tế của trường luôn theo dõi sát sao và có kế hoạch tuyên truyền vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-03]. Với công tác đảm bảo an toàn phòng chống thảm họa thiên tai nhà trường luôn cập nhật kịp thời các tin tức thời sự cũng như thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo của Thành phố và Sở Giáo dục và Đào tạo. Đối với công tác phòng chống dịch bệnh, nhân viên y tế đã thực hiện công tác tuyên truyền về tác hại cũng như cách phòng chống dịch bệnh; đồng thời nắm bắt nhanh chóng các trường hợp nhiễm bệnh và báo cáo đến y tế dự phòng huyện để xử lý kịp thời [H1-1.10-04].

Dưới sự chỉ đạo của Ban lãnh đạo nhà trường cũng như sự phối hợp chặt chẽ giữa đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nên công tác phòng chống các tệ nạn xã hội

và phòng chống bạo lực trong nhà trường các năm học vừa qua luôn được đảm bảo, minh chứng là không có một biên bản xử lý kỉ luật nào về các hiện tượng trên.

Nhà trường không có tổ chức bếp ăn nội trú và bán trú nhưng có căn tin có giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm đồng thời lãnh đạo trường làm việc kĩ với căn – tin về việc sử dụng nguồn thực phẩm có nguồn gốc rõ ràng và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-05].

b) Nhằm đảm bảo tính công bằng và kịp thời nắm bắt cũng như xử lý các thông tin của dân, nhà trường đã có hộp thư góp ý, hộp thư xanh, các cuộc gặp gỡ – đối thoại với học sinh, trang mạng xã hội, hộp thư điện tử của các thầy cô. Công tác đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường luôn được thực hiện đầy đủ [H1-1.10-06].

c) Nhà trường thường xuyên tổ chức các tiết giáo dục ngoài giờ lên lớp cũng như giáo dục kỹ năng sống trong các giờ lên lớp, giờ sinh hoạt chủ nhiệm nên trường Trung học phổ thông Quang Trung không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H1-1.10-07].

Mức 2

a) Song song đó, công tác phổ biến, hướng dẫn cho tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh về đảm bảo an ninh trật tự; an toàn về vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn thương tích; an toàn phòng chống cháy nổ; an toàn phòng chống thảm họa thiên tai; phòng chống dịch bệnh; phòng chống các tệ nạn xã hội; phòng chống bạo lực trong nhà trường luôn được đảm bảo tốt. Việc phổ biến các kiến thức thường được thực hiện thông qua các tiết sinh hoạt dưới cờ, tiết sinh hoạt lớp, giáo dục ngoài giờ lên lớp, lồng ghép trong các giờ học mà chưa tổ chức được các buổi tập huấn riêng. Các kế hoạch chỉ đạo, tuyên truyền đã được nêu rõ ở Mức 1 – chỉ báo a.

b) Đối với công tác kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường an ninh trật tự được thực hiện thường xuyên hằng ngày, hàng tuần và xử lý nhanh chóng, triệt để. Phối hợp kịp thời với cha mẹ học sinh, phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, giám thị cũng như mời học sinh trao đổi trực tiếp nên số lượng học sinh vi phạm hiện ở mức hạn chế tối đa [H1-1.10-07].

2. Điểm mạnh

Luôn thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của các Sở, ban ngành về công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn chú trọng đến việc giáo dục ý thức và đạo đức của học sinh. Phối hợp kịp thời với phụ huynh học sinh để uốn nắn học sinh chưa ngoan. Không có tình trạng đánh nhau trong học sinh.

3. Điểm yếu

Việc tập huấn kỹ năng phòng chống thương tích cho học sinh chủ yếu thực hiện trong giờ học Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh, chưa tổ chức được các buổi tập huấn riêng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phấn đấu đến năm 2022, lãnh đạo nhà trường tổ chức thêm các buổi tập huấn kỹ năng phòng chống thương tích, kỹ năng phòng vệ cho học sinh bằng cách mời chuyên gia. Đảm bảo 100% học sinh đều biết cách bảo vệ mình khỏi các thương tích hay gặp phải.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật

Công tác tổ chức và quản lý của nhà trường được thực hiện đúng qui định, tất cả các văn bản được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, hội đồng trường thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo qui định. Các tổ chức đoàn thể đều có cơ cấu tổ chức theo qui định, bảo đảm biên chế Tổ chuyên môn và Tổ văn phòng nhằm phục vụ tốt cho việc giảng dạy và học tập. Hồ sơ HS được lưu trữ đúng qui định, tất cả dự toán thu chi, quyết toán, qui chế chi tiêu nội bộ được bổ sung cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị.

Công tác quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên được chú trọng, thực hiện đầy đủ kế hoạch GD, nghiêm túc thực hiện và báo cáo đầy đủ qui chế dân chủ cơ sở.

Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn phòng chống cháy nổ, vệ sinh an toàn thực phẩm.

Điểm yếu cơ bản

Việc thực hiện chuyên đề chuyên môn chưa được đều tay, một vài tổ chưa tổ chức tốt các chuyên đề của tổ.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:

- Mức 1: 10/10 tiêu chí
- Mức 2: 10/10 tiêu chí
- Mức 3: 2/5 tiêu chí

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:

- Mức 1: 0/10 tiêu chí
- Mức 2: 0/10 tiêu chí
- Mức 3: 3/5 tiêu chí

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh,

Mở đầu:

Để có thể hoàn thành nhiệm vụ mà xã hội giao phó, nhà trường cần đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực để điều hành các hoạt động trong nhà trường một cách khoa học, cần lực lượng giáo viên, nhân viên năng động và vững chuyên môn nghiệp vụ để thực thi các chủ trương, kế hoạch giáo dục của nhà trường và cần các em học sinh thật chủ động, bản lĩnh để hoàn thành kế hoạch học tập. Cán bộ quản lý đảm bảo đạt chuẩn trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận chính trị, có kinh nghiệm và trách nhiệm trong công tác. Đội ngũ giáo viên đạt chuẩn, giàu kinh nghiệm và nhiệt tình trong công tác. Cơ cấu nhân viên đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ của nhà trường. Học sinh có hạnh kiểm tốt và chất lượng học tập ngày càng tiến bộ.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng tập huấn về chính trị theo quy định, được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất một năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đạt các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn,

nghịệp vụ, chính trị theo Quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (ban hành kèm Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 03 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và các quy định khác [H2-2.1-01].

b) Hàng năm, nhà trường tổ chức cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên đánh giá Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng theo Chuẩn Hiệu trưởng và cả 02 đều được đánh giá đạt Chuẩn Hiệu trưởng trở lên [H2-2.1-02].

c) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được tạo điều kiện thuận lợi để dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định [H2-2.1-03].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều được đánh giá đạt Chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên theo Quy định chuẩn hiệu trưởng [H2-2.1-02].

a) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường được bồi dưỡng, tập huấn đầy đủ về lý luận chính trị, về kiến thức quốc phòng theo quy định và được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm [H2-2.1-04]; [H2-2.1-05]; [H2-2.1-06].

Mức 3:

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường đạt chuẩn ở mức Tốt theo quy định Chuẩn Hiệu trưởng trong 05 năm liên tiếp [H2-2.1-02].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường đạt và vượt chuẩn về trình độ chuyên môn theo quy định, có năng lực quản lý tốt, luôn được sự tín nhiệm của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên.

3. Điểm yếu

Trong các tiêu chí đánh giá, một số giáo viên đánh giá hiệu trưởng và phó hiệu trưởng còn hạn chế về tiêu chí sử dụng ngoại ngữ. Bên cạnh đó, việc thiết lập hồ sơ và thực hiện các quy trình quản lý nhà trường chưa thực sự đầy đủ theo hướng dẫn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phấn đấu đến 2022, 100% thành viên Ban lãnh đạo có thể giao tiếp bằng Tiếng Anh lưu loát.

Từ năm học 2020 – 2021, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng thực hiện đầy đủ các loại hồ sơ và quy trình quản lý đúng theo quy định.

Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;*
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỉ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*
- c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng, phân luồng cho học sinh, có khả năng hướng dẫn, nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỉ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

- a) Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt, đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;*
- b) Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.*

1) Mô tả hiện trạng :

Mức 1:

- a) Nhà trường có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác [H2-2.2-01].*

b) Hiện nay, nhà trường có 63/63 giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định tại Điều 33 Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/03/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Điều 6 Thông tư 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông công lập [H2-2.2-02].

c) Hàng năm, 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên [H2-2.2-03].

Mức 2:

a) Trong 05 năm gần đây, số lượng giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần. Hiện tại, số giáo viên đạt trình độ Thạc sĩ là 8 người, đạt tỷ lệ 11,11% [H2-2.2-04].

b) Trong 05 năm gần đây, 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức Tốt theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên [H2-2.2-03].

c) Nhà trường đã tổ chức có hiệu quả các hoạt động trải nghiệm: tham quan học tập thực tế tại Đà Lạt, học tập thực tế tại Khu Nông nghiệp công nghệ cao, tham quan về nguồn tại đền Bến Dược [H2-2.2-05]. Tổ chức nhiều hoạt động hướng nghiệp định hướng phân luồng học sinh: Tham gia ngày hội tư vấn tuyển sinh tại trường Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh, tổ chức thành công ngày hội tư vấn tuyển sinh tại trường. Ban lãnh đạo và giáo viên chủ nhiệm tư vấn hướng nghiệp thường xuyên cho học sinh [H2-2.2-06]. Bước đầu thành lập các câu lạc bộ hướng dẫn nghiên cứu khoa học: câu lạc bộ “Em yêu Vật lý”, câu lạc bộ văn học “Bút Thép” [H2-2.2-07]. Trong 5 năm gần đây, không có trường hợp giáo viên bị kỉ luật [H2-2.2-08].

Mức 3:

a) Trong 05 năm gần đây, 100% giáo viên nhà trường được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức Tốt theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên [H2-2.2-03].

b) Trong 05 năm liên tiếp, nhiều giáo viên có sáng kiến, nghiên cứu khoa học được áp dụng trong thực tế giảng dạy [H2-2.2-09].

2. Điểm mạnh

Nhiều năm qua, 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức Tốt, đáp ứng tốt cho hoạt động giảng dạy của nhà trường.

Số lượng học sinh trúng tuyển Đại học hàng năm đạt trên 40% số học sinh khối 12 là nhờ công tác hướng nghiệp hiệu quả của nhà trường và sự tư vấn chọn trường, chọn ngành phù hợp của giáo viên chủ nhiệm (tỉ lệ học sinh đạt từ 25 điểm trong kì thi tuyển sinh 10 luôn thấp hơn 35%).

3. Điểm yếu

Nhiều giáo viên chưa mạnh dạn trong việc hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học. Các câu lạc bộ học thuật chưa thu hút được nhiều học sinh tham gia.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021 – 2022, lãnh đạo nhà trường cử giáo viên tham gia tập huấn nghiên cứu khoa học và hướng dẫn nghiên cứu khoa học. Đồng thời, đưa vào tiêu chí thi đua để thúc đẩy phong trào nghiên cứu khoa học trong nhà trường.

Các tổ trưởng chuyên môn quan tâm đến hoạt động của các câu lạc bộ học thuật thuộc bộ môn nhằm thúc đẩy phong trào nghiên cứu khoa học trong học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tổ Văn phòng có đầy đủ nhân lực đáp ứng các nhiệm vụ được giao. Ngoài ra, Hiệu trưởng phân công một số giáo viên kiêm nhiệm một số công việc trong nhà trường

như phụ trách thiết bị, phòng thí nghiệm, phổ cập giáo dục... [H2-2.3-01].

b) Nhân viên nhà trường được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực; làm việc có kế hoạch; thực hiện tốt các yêu cầu công việc được giao [H2-2.3-02].

c) Tất cả các thành viên của tổ Văn phòng đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H2-2.2-08]. Chẳng hạn, hoàn thành tốt công việc phục vụ giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh [H2-2.3-03]; quan tâm đến sức khỏe học sinh và giáo viên [H2-2.3-04]. Đảm bảo chế độ quyền lợi cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên trong nhà trường [H2-2.2-01]; [H2-2.3-05].

Mức 2:

a) Cơ cấu nhân viên đáp ứng đúng Điều 17 Thông tư 12/2011/TT-BGDĐT, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của nhà trường, cụ thể như sau: 01 kế toán, 01 thủ quỹ, 01 học vụ, 01 văn thư, 01 thư viện, 01 y tế, 01 phục vụ, 03 bảo vệ đáp ứng các nhiệm vụ được giao.

b) Trong 5 năm gần đây, tổ văn phòng luôn hoàn thành nhiệm vụ được phân công, không có trường hợp nào bị kỷ luật [H2-2.2-08].

Mức 3:

a) Các thành viên tổ Văn phòng có trình độ đáp ứng được vị trí việc làm. Nhân viên kế toán, văn thư, y tế, thủ quỹ có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên [H2-2.2-02].

Nhân viên bảo vệ được bồi dưỡng về nghiệp vụ [H2-2.3-06].

b) Hằng năm, nhân viên được tham dự các lớp tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Cụm VII tổ chức [H2-2.3-07].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên đạt chuẩn, nhiệt tình, trách nhiệm, gắn bó với công việc, thường xuyên quan tâm và giúp đỡ nhau thực hiện công việc được giao. Có kế hoạch hoạt động rõ ràng, cụ thể nên mỗi năm tổ văn phòng đều hoàn thành tốt công việc được giao.

3. Điểm yếu

Chưa có nhân viên chuyên trách phụ trách phòng thiết bị.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Sau mỗi học kỳ, tổ Văn phòng họp rút kinh nghiệm nhằm phát huy điểm mạnh,

khắc phục điểm yếu.

Lập kế hoạch hoạt động từng tháng và cả năm. Trong đó, thể hiện sự phân công, phân nhiệm rõ ràng cho từng thành viên. Đồng thời, tiến hành kiểm tra, giám sát, đôn đốc, nhắc nhở nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Từ năm học 2020 – 2021, Hiệu trưởng nhà trường tiến hành thủ tục cần thiết để đề nghị Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo phân bổ 01 nhân sự chuyên trách quản lý phòng thiết bị theo quy định.

Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về độ tuổi học sinh theo qui định;*
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo qui định;*
- c) Được đảm bảo các quyền theo qui định.*

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Học sinh có độ tuổi đúng theo quy định về tuổi của học sinh trung học tại Khoản 1.3 Điều 37 Thông tư 12/2011/TT-BGDĐT [H2-2.4-01].

b) Học sinh thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Thông tư 12/2011/TT-BGDĐT. Vào các buổi sinh hoạt lớp đầu năm, sinh hoạt dưới cờ, họp cha mẹ học sinh đầu năm, nhà trường đã phổ biến nội qui dành cho học sinh như nhiệm vụ, quyền, qui định về đồng phục, giờ giấc đi học [H2-2.4-02].

Học sinh vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật dựa trên qui định về hình thức kỷ luật và xếp loại hạnh kiểm học sinh đầu năm đã phổ biến [H2-2.4-03].

c) Học sinh được tôn trọng, bảo vệ, được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều lệ trường trung học. Học sinh có hoàn cảnh khó khăn được miễn giảm học phí, tạo

điều kiện thuận lợi để học tập [H2-2.4-04]. Học sinh đạt học lực Khá – Giỏi, có hoàn cảnh khó khăn được xét cấp học bổng do cá nhân và tổ chức tài trợ [H2-2.4-05].

Mức 2:

Những học sinh vi phạm các hành vi không được làm bị xử lý kỷ luật nếu có sự chuyển biến tích cực về học tập, rèn luyện, không vi phạm thêm lỗi sẽ được xét nâng hạnh kiểm vào cuối học kỳ [H2-2.4-06].

Mức 3:

Công tác giáo dục tư tưởng cho học sinh được nhà trường hết sức quan tâm, nhất là việc dùng các tấm gương tiêu biểu trong học tập và rèn luyện để giáo dục học sinh. Nhà trường khen thưởng cho học sinh nhất khối, học sinh giỏi, học sinh tiên tiến, học sinh đạt giải trong kỳ thi học sinh cấp thành phố vào ngày bế giảng cuối năm học [H2-2.4-07]. Bên cạnh đó, Đoàn trường phối hợp với Huyện Đoàn tuyên dương học sinh 3 tích cực, đoàn viên đạt thành tích tốt trong hoạt động [H2-2.4-08]. Học sinh trúng tuyển vào các trường Đại học cũng được tuyên dương phát thưởng vào ngày lễ kỷ niệm thành lập trường [H2-2.4-09].

2. Điểm mạnh

Học sinh được chăm lo tốt về vật chất và tinh thần.

Hầu hết học sinh đều chấp hành tốt nội quy nhà trường, hoàn thành nhiệm vụ học tập của mình.

Đa số học sinh chấp hành tốt qui định về các hành vi không được làm tại điều 41 của Thông tư 12/2011/TT-BGDĐT và qui định hiện hành.

3. Điểm yếu

Tỉ lệ học sinh xếp loại học lực yếu – kém còn cao do hạn chế về ý thức tự giác và phương pháp học tập.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục chăm lo mọi mặt cho học sinh, nhất là học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục ý thức tự giác học tập và tuân thủ nội quy của người học.

Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên môn và các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng giáo dục, tiến tới năm 2025 tỉ lệ học sinh yếu – kém giảm dưới mức 3%.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật

Nhân lực đảm bảo chuẩn trình độ theo quy định, giáo viên, nhân viên đảm bảo đúng quy định về số lượng, cơ cấu, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ.

Học sinh được đảm bảo các quyền lợi về học tập, giáo dục, rèn luyện. Các biện pháp giáo dục hợp lý, mang tính sư phạm cao đã giúp học sinh chuyển biến trong học tập và rèn luyện.

Điểm yếu cơ bản

Công tác nghiên cứu khoa học vẫn chưa đạt được hiệu quả mong đợi.

Chưa có nhân viên chuyên trách phòng thiết bị, thí nghiệm.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:

- Mức 1: 4/4 tiêu chí
- Mức 2: 4/4 tiêu chí
- Mức 3: 4/4 tiêu chí

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:

- Mức 1: 0/4 tiêu chí
- Mức 2: 0/4 tiêu chí
- Mức 3: 0/4 tiêu chí

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Để trường học hoạt động hiệu quả thì cơ sở vật chất và khâu quản lý giữ vai trò tiền đề quan trọng. Chăm lo cho khối hành chính – quản trị và các trang thiết bị cần thiết cho việc học là yêu cầu hết sức cấp bách mà lãnh đạo nhà trường cần thực hiện tốt. Trong điều kiện nhà trường còn hạn chế về cơ sở vật chất, lãnh đạo nhà trường luôn nỗ lực trong việc cung cấp các trang thiết bị cơ bản nhất theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế, đảm bảo học sinh có điều kiện thuận lợi nhất có thể để học tập, vui chơi.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

- a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;
- b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất $6m^2$ /học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất $10m^2$ /học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định, Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường được xây dựng mới khang trang từ năm 2007 với diện tích $18123,5m^2$, trang thiết bị đầu tư đảm bảo cho hoạt động quản lý, dạy học và các hoạt động giải dục khác. Sân trường có cây xanh được trồng hợp lí tạo sự thoáng mát, khuôn viên trường sạch đẹp [H3-3.1-01].

b) Khuôn viên nhà trường có tường cao 2m bao quanh, cổng trường kiên cố, biển tên trường được thiết kế theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học [H3-3.1-02].

c) Nhà trường có khu sân chơi để tổ chức các hoạt động thể dục thể thao, hoạt động ngoài giờ lên lớp. Bãi tập đạt khoảng 50% diện tích sử dụng, có đủ trang thiết bị tối thiểu để phục vụ đảm bảo an toàn luyện tập thể dục thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường (có 01 sân cầu lông, 01 sân bóng đá, 01 sân bóng chuyền, bóng rổ, bóng bàn, nhà thi đấu) [H3-3.1-03].

Mức 2:

Diện tích khu sân chơi, bãi tập của nhà trường đáp ứng tốt nhu cầu vui chơi, tập luyện và thực hành của học sinh. Khu sân chơi rất phong phú với sân bóng rổ, sân bóng chuyền, sân bóng đá mini, các lối đi trải nhựa rộng và sân trường lớn. Thêm vào đó, ở các khu này đều có cây xanh được trồng từ lúc xây dựng trường nên đảm bảo bóng mát và không khí trong lành [H3-3.1-03].

Mức 3:

Số học sinh hàng năm thường vào khoảng 1100 đến 1200 học sinh, đạt khoảng $15m^2$ /học sinh đến $16m^2$ /học sinh [H3-3.1-04]; [H3-3.1-05].

2. Điểm mạnh

Diện tích trường vượt chuẩn theo quy định, khuôn viên đảm bảo sạch, đẹp và thoáng mát, đáp ứng tốt nhu cầu dạy học của giáo viên và học tập của học sinh.

3. Điểm yếu

Cơ sở vật chất trang bị cho sân chơi vẫn còn hạn chế, nhà thi đấu nhỏ, không tổ chức được các hoạt động thể dục thể thao trong nhà.

4. Kế hoạch cải tiến

Ban lao động tăng cường chăm sóc, bảo vệ mảng xanh hiện có và trồng thêm hoặc thay thế một số cây kém phát triển.

Phấn đấu đến năm 2022, xin ngân sách chương trình xây dựng nông thôn mới để mở rộng diện tích nhà trường, trang bị thêm cơ sở vật chất cho khu sân chơi, cải tạo và nâng cấp nhà thi đấu đáp ứng tốt nhu cầu học tập, rèn luyện và vui chơi của học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn – Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định, Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 30 phòng phục vụ học tập cho 28 lớp nên mỗi lớp được bố trí học riêng 01 phòng, dạy 2 buổi/ngày. Diện tích mỗi phòng là 56m². Phòng học đủ ánh

sáng, thoáng mát, đủ 24 bộ bàn ghế phù hợp với học sinh trung học phổ thông, có 01 bàn và 01 ghế của giáo viên, 02 bảng viết. Mỗi phòng được trang bị 14 bóng đèn huỳnh quang 1.2m, 02 quạt trần theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học và của Bộ y tế về khoảng cách từ bảng đến dãy bàn học sinh [H3-3.2-01].

b) Hệ thống phòng bộ môn gồm có 07 phòng (mỗi phòng có diện tích 112m²): 01 phòng bộ môn Vật lý, 01 phòng bộ môn Hóa học, 01 phòng bộ môn Sinh học, 03 phòng bộ môn Tin học và 01 phòng bộ môn Công nghệ. Bàn ghế trong phòng là loại chuyên dụng phù hợp với lứa tuổi từng bộ môn, đúng về số lượng cho mỗi lớp học. Mỗi phòng có bảng viết theo quy định tại quyết định 37/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 7 năm 2008 ban hành Quy định về phòng bộ môn có hệ thống đèn, quạt, cửa sổ kính đảm bảo đủ ánh sáng và thông thoáng để học sinh thực hành. Mỗi phòng Tin học trang bị 45 máy vi tính được kết nối mạng nội bộ và Internet tốc độ cao [H3-3.2-02].

c) Nhà trường bố trí phòng hoạt động Đoàn dành cho Đoàn trường với diện tích 112m², phòng được bố trí bàn ghế dùng cho hội họp, tủ hồ sơ, bảng và các vật dụng cần thiết, đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động của Đoàn trường. Thư viện gồm phòng đọc và kho với tổng diện tích 120m², Phòng truyền thống với diện tích 56m² [H3-3.2-03]; [H3-3.2-04]; [H3-3.2-05].

Mức 2:

a) Phòng học, phòng bộ môn được xây dựng đạt chuẩn. Hệ thống phòng học và phòng bộ môn đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập. Phòng bộ môn và phòng học được trang bị các vật dụng cần thiết cho việc dạy và học, đúng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3-3.2-02].

b) Nhà trường có khối phục vụ học tập gồm khu hành chính, khu vệ sinh, khu nhà xe, căn-tin được xây dựng khang trang đáp ứng tốt yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định [H3-3.2-06].

Mức 3:

Các phòng học có đủ các thiết bị dạy học theo quy định, các phòng bộ môn được trang bị các thiết bị cơ bản đảm bảo các nội dung dạy học theo quy định. Chưa có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt.

2. Điểm mạnh

Phòng học khang trang, thoáng mát, đủ ánh sáng và quan sát tốt ở mọi vị trí trong phòng học. Trang thiết bị phòng học đảm bảo phục vụ tốt việc dạy và học.

3. Điểm yếu

Chưa có các phòng bộ môn và phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt.

4, Kế hoạch cải tiến

định kỳ nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các trang thiết bị, bàn ghế trong phòng học và các phòng chức năng để phục vụ tốt cho việc dạy và học.

Phân đầu đến năm 2022, xin ngân sách chương trình xây dựng nông thôn mới để xây dựng đủ các phòng học bộ môn theo Điều lệ trường trung học và phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính – quản trị

Mức 1:

- a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính – quản trị của nhà trường;*
- b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;*
- c) định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính – quản trị.*

Mức 2:

Khối hành chính – quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính – quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1, Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 03 dãy nhà 03 tầng và 01 dãy nhà 02 tầng. Dãy A là khu hành chính – quản trị. Tầng trệt bao gồm 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó Hiệu trưởng, 01 phòng giám thị, 01 phòng kế toán, 01 phòng hành chính, 01 phòng thủ quỹ, 01 phòng giáo viên. Tầng 1 có 01 phòng họp giáo viên, 01 phòng vi tính, 01 hội trường, 01 phòng công đoàn, 01 phòng tư vấn học đường. Khu vực dãy B tầng trệt có 01 phòng truyền thống, 02 phòng nghe nhìn và 01 phòng cơ điện. Dãy nhà C có 02 tầng gồm có 01 phòng thí nghiệm Hóa, 01 phòng Sinh, 01 phòng thí nghiệm Lý và 03 phòng thực hành Tin học, 01 phòng nghe nhìn. Dãy nhà D có 01 phòng y tế, 01 thư viện và 02 phòng học Ngoại ngữ. Ngoài ra trường có 01 phòng thường trực bảo vệ ở cổng trường [H3-3.3-01].

Tất các phòng thuộc bộ phận hành chính – quản trị đều được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công việc. Mỗi tầng đều có khu vệ sinh sạch sẽ dành cho giáo viên và học sinh.

b) Nhà trường có 02 khu nhà để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và một nhà xe học sinh được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự và đủ sức chứa phương tiện cho tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và khách [H3-3.3-02].

c) Nhà trường định kỳ bảo trì, sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính – quản trị đáp ứng tốt yêu cầu công việc. Không để xảy ra tình trạng máy móc hư hỏng, không thể phục vụ cho công việc [H3-3.3-03]; [H3-3.3-04].

Mức 2:

Như đã mô tả ở Mức 1, khối hành chính – quản trị được bố trí đầy đủ theo quy định và đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.2-06].

Mức 3:

Khối hành chính – quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường [H3-3.2-06].

2. Điểm mạnh

Khối hành chính – quản trị có đầy đủ phòng làm việc với các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học được thực hiện có hiệu quả và theo các quy định hiện hành.

3. Điểm yếu

Một số thiết bị văn phòng do sử dụng lâu năm nên đã xuống cấp (máy tính, máy in).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hàng năm, nhà trường tiếp tục tiến hành nâng cấp, sửa chữa các trang thiết bị ở các phòng theo đúng chức năng nhiệm vụ. Xin chủ trương trang bị mới các thiết bị đã xuống cấp từ nguồn ngân sách thường xuyên hoặc nguồn ngân sách không thường xuyên.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống nước sạch, thu gom rác đáp ứng yêu cầu của hoạt động giáo dục

Mức 1

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không

ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Ở mỗi tầng đều có khu nhà vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh (3 khu dành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và 6 khu dành cho học sinh). Khu nhà vệ sinh được xây dựng khép kín, riêng biệt cho nam và nữ, Được làm vệ sinh 4 lần mỗi ngày, Đảm bảo luôn sạch sẽ, Đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập [H3-3.4-01].

b) Nhà trường sử dụng nguồn nước sạch, đảm bảo vệ sinh để phục vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Địa hình trường thuận lợi cho việc thoát nước và không gây ra hiện tượng ngập úng. Nhà trường có trang bị nước uống đóng chai cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.4-02].

c) Trường hợp đồng Công ty Dịch vụ công ích huyện Củ Chi thực hiện thu gom rác hàng ngày, đảm bảo vệ sinh và mỹ quan nhà trường [H3-3.4-03].

Mức 2:

a) Khu vệ sinh được xây dựng ở các góc của mỗi tầng lầu nên rất thuận tiện cho giáo viên và học sinh. Mỗi khu nhà vệ sinh được xây dựng phù hợp với cảnh quan của khu vực phòng học, phòng chức năng và đảm bảo quy định về nhà vệ sinh trong trường học [H3-3.4-01].

b) Nhà trường xây dựng hệ thống cấp nước sạch cho giáo viên và học sinh. Hệ thống thoát nước được xây dựng hợp lý và định kỳ duy tu, sửa chữa đảm bảo vệ sinh môi trường, không đọng nước. Quy định khu vực để rác hợp lý, thu gom và xử lý chất

thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế [H3-3.4-02]; [H3-3.4-03].

2. Điểm mạnh

Khu nhà vệ sinh dành riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, rộng rãi, đáp ứng tốt nhu cầu.

Hệ thống thoát nước tốt và không có hiện tượng ngập úng.

Có nguồn nước sạch, nước uống đạt tiêu chuẩn đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

3. Điểm yếu

Do trường được xây dựng hơn 10 năm nên một số hạng mục trong nhà vệ sinh xuống cấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục hợp đồng với Công ty Dịch vụ công ích huyện Củ Chi để thu gom rác và xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Lên kế hoạch, xin kinh phí nâng cấp, sửa chữa nhà vệ sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị dạy học, đồ dùng dạy học và hiệu quả sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử

dùng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Các phòng thuộc khu hành chính, các phòng chức năng được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ cho công việc như máy vi tính, máy in, máy photocopy, máy chiếu, bảng tương tác, tivi [H3-3.5-01].

b) Có các thiết bị dạy học tối thiểu đủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông tư số 38/2011/TT-BGDĐT cho cả 3 khối và được mua sắm bổ sung hàng năm [H3-3.5-02].

c) Hằng năm, các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa. Đảm bảo phục vụ tốt cho yêu cầu công việc và không mất mát tài sản [H3-3.5-03].

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính khu hành chính và phòng máy của học sinh được kết nối Internet chất lượng cao phục vụ tốt công tác quản lý, hoạt động dạy học. Ngoài ra, ở khu hành chính còn được trang bị thêm 3 thiết bị phát wifi để phục vụ cho nhu cầu làm việc trực tuyến của cán bộ, giáo viên, nhân viên [H3-3.5-01].

b) Có đủ các thiết bị dạy học theo quy định như tranh, ảnh, bản đồ, băng đĩa, bảng phụ, mô hình, dụng cụ thí nghiệm, dụng cụ thể dục thể thao... được trang bị hàng năm và một số đồ dùng tự làm được giáo viên sử dụng thường xuyên hoạt động giảng dạy. Các thiết bị này được cất giữ tại kho thiết bị, các phòng chức năng và các phòng thí nghiệm [H3-3.5-04]; [H3-3.5-05].

c) Cuối năm tài chính, nhà trường đã tổ chức kiểm kê thiết bị dạy học để đánh giá chất lượng thiết bị và có biện pháp sửa chữa, thay thế nhằm đáp ứng tốt yêu cầu dạy học [H3-3.5-06].

Mức 3:

Phòng thí nghiệm và khu vực thực hành có các thiết bị cơ bản đảm bảo hoạt động thường xuyên và phục vụ cho các bài thí nghiệm đơn giản; thiết bị dạy học tự làm chưa phong phú. Việc khai thác các trang thiết bị nhằm đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường còn chưa được triệt để [H3-3.2-02]; [H3-3.5-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng, thiết bị dạy học và các thiết bị khác phục vụ cho giảng dạy và học tập theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hoạt động thiết bị được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, phục vụ tốt cho công tác giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh.

3. Điểm yếu

Thiết bị dạy học tự làm còn hạn chế và chưa được khai thác, sử dụng hiệu quả. Các phòng thí nghiệm chỉ mới được trang bị các thiết bị cơ bản nhất cho việc dạy học và thí nghiệm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Những năm học tiếp theo, hiệu trưởng khuyến khích, đồng thời hỗ trợ kinh phí để giáo viên tự làm đồ dùng dạy học có chất lượng để phục vụ công tác dạy và học và tiến tới hàng năm tổ chức hội thi làm đồ dùng dạy học cho giáo viên. Hiệu trưởng lên kế hoạch trang bị các trang thiết bị cần thiết bổ sung ở các phòng thí nghiệm.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.6 : Thư viện đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên, Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Thư viện được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo phục vụ tốt cho hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường [H3-3.6-01]; [H3-3.6-02].

b) Thư viện có diện tích 192m², có 03 phòng đọc sách: 01 phòng cho HS, 01 phòng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và 01 phòng kho được bố trí rộng rãi, thoáng mát. Thư viện được trang bị 01 máy vi tính kết nối internet được cài đặt phần mềm để quản lý, lưu trữ và 01 máy in phục vụ cho các công tác lưu trữ, quản lý và tra cứu thông tin [H3-3.2-04].

Thư viện hiện có 24.634 đầu sách, có nội quy, danh mục các đầu sách để tra cứu, sách tham khảo, có sách nghiệp vụ bảo đảm nhu cầu cho việc học tập và nghiên cứu của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Nhân viên thư viện có sổ theo dõi việc cho mượn sách của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [H2-2.3-03].

c) Hằng năm, thư viện đều thực hiện kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo theo đúng quy định [H3-3.6-03].

Mức 2:

Năm năm qua, thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học Xuất sắc. Được Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định công nhận [H3-3.6-04].

Mức 3:

Năm năm qua, thư viện của nhà trường liên tiếp đạt Thư viện trường học Xuất sắc. Máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên [H3-3.6-04].

2. Điểm mạnh

Thư viện rộng, đạt thư viện Xuất sắc nhiều năm liền. Số lượng đầu sách có chất lượng đáp ứng tốt nhu cầu học tập, nghiên cứu của giáo viên và học sinh.

3. Điểm yếu

Hoạt động của thư viện nhà trường chưa đầu tư đúng mức và đơn điệu nên chưa thu hút nhiều học sinh đến tra cứu tạp chí, tài liệu học tập. Số lượng máy tính của thư viện còn ít nên chưa phục vụ tốt khi nhiều học sinh và giáo viên sử dụng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhân viên thư viện hàng tháng có kế hoạch giới thiệu sách phong phú hơn và thông qua các buổi sinh hoạt dưới cờ, ngoại khóa theo chuyên đề, tháng chủ điểm để thu hút học sinh thường xuyên đến đọc sách. Phần đầu đến năm 2022, trang bị thêm máy vi tính cho thư viện để phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật

Diện tích khuôn viên đạt tiêu chuẩn đối với trường học ở vùng ngoại thành. Có cây xanh, cây cảnh, sân trường sạch đẹp thoáng mát, sân chơi bãi tập, trang thiết bị đúng quy định. Công tác tổ chức, quản lý cơ sở vật chất đảm bảo yêu cầu và hiệu quả.

Khối hành chính và phòng học đảm bảo phục vụ tốt cho học tập và đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

Thư viện đạt Thư viện xuất sắc nhiều năm liền.

Điểm yếu cơ bản

Các phòng thí nghiệm chỉ mới được trang bị các thiết bị cơ bản nhất cho việc dạy học và thí nghiệm.

Số lượng máy tính của thư viện còn quá ít, chưa phục vụ được nhu cầu tra cứu trực tuyến của giáo viên và học sinh.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:

- Mức 1: 6/6 tiêu chí
- Mức 2: 6/6 tiêu chí
- Mức 3: 3/5 tiêu chí

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:

- Mức 1: 0/6 tiêu chí
- Mức 2: 0/6 tiêu chí
- Mức 3: 2/5 tiêu chí

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu

Giáo dục học sinh là quá trình đòi hỏi nhiều công sức và sự phối hợp giữa bộ ba

gia đình, nhà trường và xã hội. Phải thật sự đều tay và nhịp nhàng thì mới mong đạt được hiệu quả giáo dục cao nhất. Vì thế, nhà trường luôn tạo sự kết nối mật thiết với phụ huynh học sinh và tranh thủ sự ủng hộ của địa phương trong các hoạt động giáo dục học sinh. Luôn tranh thủ sự ủng hộ của Ban đại diện cha mẹ học sinh trường trong việc giúp đỡ học sinh khó khăn, vận động học sinh có nguy cơ nghỉ bỏ học tiếp tục đến trường, tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao cũng như thực hiện các hoạt động giáo dục.

Tiêu chí 4.1: Tổ chức và hiệu quả hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập theo và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập vào đầu mỗi năm học, do Đại hội đại biểu cha mẹ học sinh toàn trường bầu ra, thường gồm 9 thành viên. Ban đại diện sẽ họp phiên thứ nhất để bầu ra Trưởng ban và các Phó Trưởng ban, hoạt động tự nguyện trên tinh thần tập trung dân chủ và đúng theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-01].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh có kế hoạch hoạt động theo năm học và được thông qua tại Đại hội đại biểu cha mẹ học sinh toàn trường và được cụ thể hóa bằng Nghị quyết Đại hội [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03].

c) Ban đại diện cha mẹ học sinh, đứng đầu là Trưởng ban sẽ căn cứ vào Kế hoạch hoạt động trong năm học để phân công các thành viên phụ trách các mảng công việc. Họp định kỳ và thực hiện kế hoạch năm học đúng tiến độ đã đề ra [H4-4.1-04].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh cùng bàn bạc với cán bộ quản lý nhà trường để tìm ra nội dung, giải pháp nâng cao chất lượng học tập của học sinh, kịp thời tuyên dương, khen thưởng học sinh học giỏi, vượt khó; nhắc nhở học sinh yếu kém, uốn nắn học sinh chưa ngoan [H4-4.1-05].

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc vận động học sinh ra lớp. Đồng hành với nhà trường trong các hoạt động giáo dục nhằm giúp học sinh rèn luyện đạo đức, tuân thủ pháp luật và nội quy nhà trường [H4-4.1-06].

Ban đại diện cha mẹ học sinh hỗ trợ tích cực và quan tâm giúp đỡ kịp thời những học sinh có hoàn cảnh khó khăn như miễn giảm học phí và các khoản đóng góp (ngoài chế độ quy định miễn giảm của nhà nước), xét cấp học bổng, trợ cấp khó khăn, cử đại diện tham gia vào Ban chấp hành Hội khuyến học của trường... nhằm giúp các em có thêm điều kiện đến trường, cùng với nhà trường thực hiện phương châm “không để học sinh nghỉ học vì nghèo khó” [H4-4.1-07].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh: vận động học sinh ra lớp, vận động các nguồn tài trợ cho học sinh. Trong đó, đặc biệt vận động, nâng cao vai trò của từng phụ huynh, từng gia đình trong việc quản lý, giáo dục học sinh [H1-1.2-02].

2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập trên tinh thần tự nguyện và hoạt động có hiệu quả, có phương hướng, nhiệm vụ rõ ràng cho từng năm học, hỗ trợ kịp thời cho nhà trường, xã hội trong việc quản lý, giáo dục, giúp đỡ học sinh.

Có ảnh hưởng tích cực đối với xã hội, tạo được niềm tin đối với nhà trường và cha mẹ học sinh.

Là cầu nối giữa nhà trường và cha mẹ học sinh một cách kịp thời và có hiệu quả.

3. Điểm yếu

Ban đại diện cha mẹ học sinh giữa các lớp hoạt động chưa đồng đều, Ban Đại

diện cha mẹ học sinh của một số lớp chỉ dừng lại việc tham gia Đại hội đại biểu cha mẹ học sinh trường. Vì vậy, việc triển khai đến cha mẹ tại lớp, khả năng tuyên truyền còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm tới, Ban đại diện cha mẹ học sinh tiếp tục hoạt động tuyên truyền và khẳng định vai trò của cha mẹ học sinh trong việc giáo dục con em mình. Ban đại diện cha mẹ học sinh đứng ra huy động và sử dụng các nguồn đóng góp một cách có hiệu quả, có kế hoạch chi tiêu và báo cáo thu chi kịp thời, công khai, minh bạch.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 4.2: Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương để huy động nguồn lực xây dựng nhà trường và môi trường giáo dục

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường chủ động tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa phương để thực hiện các hoạt động giáo dục của nhà trường: vận động học sinh ra lớp, động viên học sinh nghỉ bỏ học trở lại trường, tuyên truyền pháp luật, hỗ trợ nhà trường xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thực hiện an toàn giao thông và an toàn trường học [H4-4.2-01]; [H4-4.2-02].

b) Nhà trường thường xuyên thực hiện tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của phụ huynh học sinh về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường thông qua việc giáo dục học sinh, thông qua các cuộc họp phụ huynh học sinh định kỳ, thông qua việc tiến hành cho phụ huynh và học sinh kí các cam kết thực hiện nghiêm quy định của pháp luật [H4-4.2-03]; [H4-4.2-04].

c) Nhà trường huy động và sử dụng các nguồn lực đóng góp đúng quy định và có hiệu quả: vận động các nhà hảo tâm, đơn vị, cá nhân ủng hộ Quỹ khuyến học, khuyến tài của nhà trường để trợ cấp cho các học sinh khó khăn, cấp học bổng cho các học sinh vượt khó học tốt, khen thưởng kịp thời học sinh Giỏi, học sinh có thành tích tốt trong hoạt động. Quỹ khuyến học được quyết toán đúng quy định, đảm bảo không thất thoát [H4-4.2-05].

Mức 2:

a) Lãnh đạo nhà trường chủ động tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Qua đó, cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương có kế hoạch tạo điều kiện cho nhà trường về an ninh trật tự, vận động học sinh đến trường, đảm bảo nguồn điện, đảm bảo sức khỏe học sinh... [H4-4.2-06]; [H4-4.2-07]; [H4-4.2-08].

b) Hằng năm nhà trường đều phối hợp với Xã đoàn 03 xã Phước Hiệp, Phước Thạnh, Thái Mỹ để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa bằng nhiều hoạt động như chiến dịch Hoa phượng đỏ, thăm hỏi và tặng quà các Mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình thương binh liệt sĩ, có công với cách mạng, tổ chức các buổi đi thăm di tích Địa đạo Củ Chi cho học sinh khối 11, viếng và dọn dẹp Nghĩa trang liệt sĩ An Nhơn Tây... Các hoạt động đã giúp các em hiểu và tự hào hơn về lịch sử đánh giặc giữ nước của cha ông mình,

từ đó góp phần bồi dưỡng tinh thần yêu nước ở mỗi học sinh. Hoạt động thiết thực này một lần nữa thể hiện được truyền thống ‘Uống nước nhớ nguồn’ của giáo viên và học sinh nhà trường.

Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phối hợp với Chi đoàn giáo viên, giáo viên chủ nhiệm, nhân viên y tế định kỳ tổ chức các cuộc thi về an toàn giao thông, kỹ năng sống, tìm hiểu về HIV – AIDS ... Thông qua các buổi sinh hoạt, các bức tranh cổ động tuyên truyền học sinh có thêm kiến thức về việc chấp hành luật lệ giao thông, bảo vệ sức khỏe cho chính mình và người xung quanh [H4-4.2-01]; [H4-4.2-09]; [H4-4-2.10].

Mức 3:

Hàng năm, nhà trường tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tổ chức các lớp dạy phổ cập học sinh lớp 10, 11 vào ban đêm. Ngoài ra, nhà trường cùng với chính quyền địa phương, Huyện Đoàn Củ Chi tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cấp xã, huyện. Giáo dục học sinh ý thức pháp luật, tuân thủ nghiêm các quy định của địa phương, xây dựng hình ảnh tốt đẹp của học sinh trường. Nhà trường thực sự trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương [H4-4-2.11]; [H4-4-2.10].

2. Điểm mạnh

Được sự ủng hộ từ phía các cấp lãnh đạo, Ủy ban nhân dân các xã nên các hoạt động giáo dục của trường được quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi.

3. Điểm yếu

Việc huy động các nguồn lực hỗ trợ Quỹ khuyến học của nhà trường còn hạn chế, mới chỉ hỗ trợ một phần học phí cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

4, Kế hoạch cải tiến

Trong các năm tiếp theo, chi bộ lãnh đạo Hội khuyến học đứng ra huy động nguồn lực từ các cá nhân, tổ chức trong và ngoài địa phương để có thêm kinh phí góp phần chăm lo, giúp đỡ học sinh. Đảm bảo 100% học sinh khó khăn của trường được tài trợ học phí và trên 50% được tài trợ học bổng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Điểm mạnh nổi bật

Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn phối hợp với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục, huy động học sinh đến trường, vận

động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường được thực hiện nhịp nhàng. Phối hợp các đoàn thể tổ chức các lễ hội truyền thống nhằm giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao

Các công trình thanh niên luôn được quan tâm xuyên suốt, học sinh các lớp thực hiện các công trình thanh niên: uống nước nhớ nguồn, thăm viếng mẹ Việt Nam anh hùng tại địa phương.

Điểm yếu cơ bản

Việc vận động các nguồn lực ủng hộ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường chưa đạt hiệu quả.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:

- Mức 1: 2/2 tiêu chí
- Mức 2: 2/2 tiêu chí
- Mức 3: 1/2 tiêu chí

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:

- Mức 1: 0/2 tiêu chí
- Mức 2: 0/2 tiêu chí
- Mức 3: 1/2 tiêu chí

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu

Nhà trường xây dựng chương trình giáo dục trên cơ sở Chương trình giáo dục bậc trung học phổ thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Giao tổ chuyên môn chịu trách nhiệm xây dựng nội dung giảng dạy phù hợp với thực tế và đáp ứng khung chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Giao Đoàn thanh niên, tiểu ban giáo dục ngoài giờ lên lớp, các tổ chuyên môn... lên kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục toàn diện, hoạt động trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Kết quả giáo dục nhà trường không ngừng được cải thiện trong những năm vừa qua.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường, Bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Đầu năm, Hiệu trưởng ban hành Kế hoạch giáo dục với các mục tiêu, biện pháp phù hợp với thực tế nhà trường và mục tiêu giáo dục của ngành; đồng thời quy định rõ thời lượng các môn học theo đúng Quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch giảng dạy cụ thể, chi tiết. Các tổ bộ môn cũng họp thường xuyên để cập nhật chuyên môn, thực hiện mục tiêu giáo dục của nhà trường. Đảm bảo chương trình dạy học luôn được thực hiện đúng, đủ [H5-5.1-01]; [H1-1.4-03].

b) Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, chủ động áp dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học cũng như cách tổ chức hoạt động dạy học theo hướng phát huy tính chủ động, tích cực của học sinh. Vừa đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh vừa phù hợp với điều kiện nhà trường. Quan tâm bồi dưỡng phương pháp tự học, bước đầu xây dựng kỹ năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn [H5-5.1-02].

c) Trong khâu kiểm tra đánh giá, luôn áp dụng linh hoạt các hình thức kiểm tra (vấn đáp, viết, trả lời các vấn đề khi xây dựng bài học...). Chú trọng đến yếu tố quá trình trong đánh giá học sinh [H5-5.1-02].

Mức 2:

a) Các tổ đảm bảo thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; chủ động xây dựng kế hoạch giảng dạy bằng việc lựa chọn nội dung, xác định thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh [H5-5.1-03].

b) Hàng năm, nhà trường đều tuyển chọn học sinh giỏi để giáo viên hướng dẫn, bồi dưỡng và cử đi tham dự kì thi học sinh giỏi cấp thành phố, giúp các em cọ sát và thể hiện năng lực của mình. Bên cạnh đó, giáo viên bộ môn quan tâm phụ đạo các học sinh học tập chưa tốt của lớp mình phụ trách, giúp các em cải thiện thành tích học tập. Nhà trường thành lập câu lạc bộ Hoa Hướng Dương, giúp các em học sinh khó khăn trong rèn luyện có một môi trường tốt để hoàn thiện bản thân [H5-5.1-04].

Mức 3:

Vào cuối mỗi năm học, nhà trường đều tiến hành tổng kết, đánh giá những mặt làm được, chưa làm được và xác định nguyên nhân để từ đó xây dựng phương hướng hoạt động giáo dục cho năm học mới với các giải pháp hiệu quả hơn trong tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Các tổ chuyên môn chủ động trong việc xây dựng kế hoạch giảng dạy phù hợp với thực tế nhà trường.

Hoạt động phát hiện và bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu được thực hiện hiệu quả.

3. Điểm yếu

Việc đa dạng hóa các hình thức kiểm tra đánh giá học sinh vẫn chưa được tất cả giáo viên thực hiện một cách triệt để.

Khâu rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh chưa thật sự bài bản và hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục thực hiện và không ngừng cải tiến chương trình giáo dục nhà trường ngày càng tốt hơn.

Phân đầu đến 2022, 100% giáo viên thực hiện đa dạng hóa các hình thức kiểm tra đánh giá học sinh.

Có kế hoạch phân tích, đánh giá hiệu quả của các biện pháp giáo dục đã thực hiện nhằm rút kinh nghiệm và điều chỉnh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trong kế hoạch giáo dục năm học, nhà trường luôn quan tâm đến học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Cụ thể, nhà trường xây dựng Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, Kế hoạch phụ đạo học sinh yếu, Kế hoạch rèn luyện trong hè đối với các học sinh chưa ngoan. Ngoài ra, vào đầu mỗi năm học, nhà trường tiến hành lập danh sách học sinh có hoàn cảnh khó khăn để giúp đỡ về học phí, học bổng và quan tâm hơn đến các học sinh này.

Đồng thời, tổ Giáo dục thể chất xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho các học sinh có năng khiếu về cầu lông, bóng chuyền, bóng đá. Trong 05 năm qua, trường không có học sinh khuyết tật học hòa nhập. [H5-5.1-01]; [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02]; [H1-1.4-06].

b) Nhà trường phân công giáo viên bộ môn chủ động bồi dưỡng, hướng dẫn học sinh giỏi học tập đồng thời phụ đạo, giúp đỡ học sinh yếu theo kịp các bạn. Qua mỗi đợt kiểm tra tập trung, nhà trường sẽ dựa vào số liệu để đánh giá kết quả giảng dạy của giáo viên; đồng thời dự giờ thăm lớp để có cái nhìn toàn diện hơn về hoạt động dạy và học của thầy và trò. Ngoài ra, nhà trường còn giao Đoàn trường, các tổ bộ môn tổ chức nhiều hoạt động văn – thể – mỹ cho toàn thể học sinh, giúp các em có sân chơi lành mạnh, bổ ích và rèn luyện sức khỏe. Đảm bảo tất cả học sinh đều được tham gia vào các hoạt động giáo dục của nhà trường [H5-5.2-03]; [H5-5.1-04].

c) Hằng năm, nhà trường đều có rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H5-5.2-04]; [H4-4.2-05].

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện luôn được nhà trường quan tâm. Ngay từ đầu năm, những học sinh có hoàn cảnh khó khăn đều được ghi nhận, khảo sát từng hoàn cảnh để có kế hoạch hỗ trợ kịp thời. Nhiều phần học bổng được trao để động viên tinh thần học tập cho học sinh, giúp học sinh học tập đạt kết quả khả quan. Tuy nhiên, cũng còn một vài học sinh chưa thật sự cố gắng trong học tập nên kết quả không đáp ứng mục tiêu giáo dục [H5-5.2-02].

Mức 3:

Học sinh có năng khiếu văn hóa nghệ thuật, thể thao, được thu hút vào câu lạc bộ văn nghệ, đội tuyển thể thao, được tham dự các cuộc thi văn nghệ, thể thao, phát huy năng khiếu của mình [H5-5.2-05].

Hàng năm, trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được Sở Giáo dục và Đào Tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Ủy ban nhân dân Thành phố ghi nhận [H5-5.1-04]; [H5-5.2-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện rất tốt việc chăm lo cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn với sự hỗ trợ của Ban đại diện cha mẹ học sinh và các mạnh thường quân.

3. Điểm yếu

Việc bồi dưỡng cho học sinh có năng khiếu vẫn còn khá hạn chế, chưa được đầu tư nhiều về tài chính và cơ sở vật chất.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong các năm học tới, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, đa dạng hóa các loại hình hoạt động để thu hút học sinh có năng khiếu. Đồng thời, tiếp tục vận động các nguồn lực để chăm lo cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;*
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;*
- c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.*

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ngay từ đầu năm học, nhà trường lên kế hoạch hoạt động năm học, trong đó có nêu phân nội dung giáo dục địa phương cho học sinh. Nội dung giáo dục địa phương được lồng ghép vào các bộ môn Giáo dục công dân, Lịch sử, Địa lí, Ngữ Văn, Giáo dục quốc phòng. Các tổ bộ môn đưa vào phân phối chương trình để thực hiện thống nhất [H5-5.3-01].

b) Các tổ bộ môn tiến hành kiểm tra, đánh giá các nội dung giáo dục về địa phương rất khoa học, hiệu quả và phù hợp với thực tế nhà trường. Có nhiều cách đã được các tổ thực hiện như viết bài thu hoạch, thuyết trình theo nhóm, làm bài kiểm tra [H5-5.3-02].

c) Hàng năm, các tổ chuyên môn đều tiến hành rà soát, bổ sung, cập nhật các nội dung mới vào giáo án. Các nội dung giảng dạy lồng ghép gắn với nội dung bài học đồng thời mang tính thực tiễn, giáo dục cao [H5-5.3-03].

Mức 2:

Các tổ bộ môn đã rất linh hoạt trong việc xây dựng nội dung giáo dục địa phương, đảm bảo vừa phù hợp với mục tiêu môn học, vừa phù hợp với lịch sử địa phương, điều kiện thực tế của nhà trường và gắn lý luận với thực tiễn [H1-1.6-15]; [H5-5.3-03].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giảng dạy lồng ghép phù hợp thực tế địa phương và tình hình nhà trường. Giáo án thường xuyên được cập nhật, điều chỉnh.

3. Điểm yếu

Việc tổ chức giáo dục địa phương thông qua các hoạt động trải nghiệm còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục điều chỉnh, cập nhật nội dung giảng dạy về địa phương trong thời gian tới. Bổ sung thêm cho thư viện sách về Củ Chi nói riêng và Thành phố Hồ Chí Minh nói chung. Đồng thời, tổ chức nhiều hoạt động trải nghiệm để học sinh nắm rõ hơn về lịch sử Củ Chi.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

- a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;*
- b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;*
- c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.*

Mức 2:

- a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;*
- b) định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Ngay từ đầu năm học, trường có kế hoạch năm học trong đó có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh Khối 10 và Khối 11, đặc biệt chú trọng đến

công tác hướng nghiệp cho học sinh Khối 12 (ít nhất 01 lần/năm) vào tháng 01 hàng năm (tại trường Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh), đồng hành với hoạt động này là buổi giao lưu của học sinh Khối 12 với các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (tại trường), qua đó giúp học sinh định hướng nghề nghiệp tương lai [H2-2.2-06]; [H5-5.3-02].

b) Nhà trường rất quan tâm đến hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp. Kế hoạch được triển khai rộng rãi trong tập thể sư phạm và học sinh. Đồng thời có sự phân công cá nhân phụ trách một cách hợp lý, đảm bảo thực hiện đúng theo kế hoạch đề ra [H5-5.4-01].

c) Bên cạnh đó, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, Ban lãnh đạo cũng là những chuyên gia tư vấn hướng nghiệp thường trực tại trường. Khi tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, lãnh đạo nhà trường có sự điều động, phân công giáo viên, nhân viên trường hỗ trợ hợp lý với lực lượng giáo viên chủ nhiệm luôn nồng cốt [H5-5.4-02].

Mức 2:

a) Các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức với các hình thức phong phú phù hợp với học sinh và đạt hiệu quả thiết thực. Học sinh Khối 10 được tổ Sinh học phối hợp với tổ Công nghệ tổ chức cho các em đi học tập thực tế tại Khu Nông nghiệp công nghệ cao (xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi), học sinh Khối 11 được tổ Lịch sử tổ chức tham quan học tập về nguồn tại Địa đạo Củ Chi, các tổ bộ môn Ngữ văn, Hóa học, Địa lí, Lịch sử, Sinh học đã phối hợp tổ chức chuyến đi học tập thực tế tại Đà Lạt, Học sinh khối 12 được tổ chức tham gia Ngày hội tuyển sinh do Báo Tuổi trẻ tổ chức hàng năm đồng thời tham gia một số hoạt động hướng nghiệp tại trường [H5-5.5-03].

b) Ban tổ chức tiến hành báo cáo kết quả hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp sau chuyến tham quan học tập. Đồng thời, nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp vào cuối năm học để trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch cho năm học mới được khoa học và hiệu quả hơn [H5-5.5-01].

2. Điểm mạnh

Hoạt động hướng nghiệp được nhà trường quan tâm đúng mức, đáp ứng tốt nhu cầu tìm hiểu nghề nghiệp của học sinh.

Công tác tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế, chặt chẽ, có kế hoạch cụ thể và bảo đảm tính an toàn cao.

3. Điểm yếu

Các hoạt động trải nghiệm tại trường chưa được tổ chức thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục tổ chức và không ngừng nâng cao chất lượng các hoạt động hướng nghiệp, trải nghiệm tại trường.

Bên cạnh việc tổ chức đi tham quan học tập trải nghiệm, nhà trường sẽ tổ chức thêm các hoạt động trải nghiệm tại trường để thu hút 100% học sinh tham gia.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương. Luôn phối hợp chặt chẽ với phụ huynh học sinh trong vấn đề định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh [H5-5.5-01].

b) Vai trò Đoàn thanh niên trong nhà trường được chú trọng đáng kể, thông qua các buổi sinh hoạt tập thể, hoạt động của các câu lạc bộ đội nhóm giúp học sinh có thêm

nhiều kỹ năng mềm như nói chuyện trước đám đông, làm việc nhóm, kỹ năng lều trại... Các hoạt động do giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn tổ chức giúp học sinh thêm tự tin trong trình bày các vấn đề, bản lĩnh hơn trong cuộc sống, biết yêu thương, giúp đỡ mọi người xung quanh... Các cuộc thi, các hoạt động tập thể giúp học sinh thêm hòa đồng, đoàn kết và có khả năng tổ chức, quản lý [H5-5.5-02].

c) Thông qua tiết sinh hoạt dưới cờ, giờ sinh hoạt chủ nhiệm, các tiết học văn hóa, các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động văn – thể – mỹ, các thầy cô đã giáo dục đạo đức lối sống, phong tục tập quán của người dân Củ Chi nói riêng, của nhân dân Việt Nam nói chung cho học sinh [H5-5.5-03].

Mức 2:

a) Giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn học sinh cách tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện. Đầu năm, giáo viên sẽ làm bài kiểm tra chất lượng để học sinh biết rõ học lực của mình. Sau mỗi bài kiểm tra, giáo viên sẽ nhận xét, đánh giá để học sinh thấy được bản thân có tiến bộ hay không rồi từ đó tự đề ra mục tiêu phấn đấu cho bản thân.

b) Thực hiện chủ trương đổi mới trong dạy học, giáo viên rất chú trọng phân liên hệ thực tiễn trong các tiết dạy nhằm trang bị cho học sinh những kiến thức có liên quan đến thực tế cuộc sống để giúp học sinh hình thành và phát triển khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước một [H1-1.6-15].

Mức 3:

Tuy vẫn còn nhiều hạn chế nhưng nhà trường cũng tạo điều kiện cho các câu lạc bộ học thuật hoạt động (Câu lạc bộ Em yêu Vật lý, Câu lạc bộ Bút thép). Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo sự hướng dẫn của các thầy cô [H5-5.5-04]; [H5-5.5-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch định hướng giáo dục kỹ năng sống cho học sinh hiệu quả và phù hợp với thực tế nhà trường. Các lực lượng trong nhà trường có sự phối hợp chặt chẽ trong thực hiện mảng giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

3. Điểm yếu

Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh còn hạn chế.

Việc nghiên cứu khoa học chưa thật sự phát triển trong tập thể học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong giảng dạy, giáo viên bộ môn tăng cường các kiến thức thực tiễn, cũng như hướng dẫn học sinh vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Trong thời gian tới, tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học trong học sinh, khuyến khích giáo viên hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*
- c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.*

Mức 2:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;*
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.*

Mức 3:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:*
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;*
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;*
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;*
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;*

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 0,5% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ngay từ đầu năm học, nhà trường lên kế hoạch hoạt động năm học trong đó có nêu phân chỉ tiêu phấn đấu của tập thể sư phạm nhà trường, danh hiệu trường, danh hiệu của Công đoàn cơ sở, danh hiệu Đoàn thanh niên, danh hiệu tổ chuyên môn và các danh hiệu cá nhân. Bên cạnh đó là các chỉ tiêu phấn đấu của hai mặt rèn luyện của học sinh, chỉ tiêu về tỷ lệ học sinh lên lớp, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông. Bảng số liệu dưới đây đã cho thấy rõ là kết quả về học lực và hạnh kiểm của học sinh trong 05 năm qua đều đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường [H1-1.1-02]; [H5-5.6-01].

b) Dựa vào bảng số liệu dưới đây, ta thấy rằng trong 05 năm qua, tỉ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp trung học phổ thông đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường [H5-5.6-02]; [H5-5.6-03].

Số liệu		Tỷ lệ học sinh xếp loại học lực Khá – Giỏi	Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm Khá – Tốt	Tỷ lệ tốt nghiệp phổ thông	Tỷ lệ lên lớp	Ghi chú
Năm học 2014-2015	Chỉ tiêu	≥ 40%	≥ 90%	≥ a	≥ 80%	
	Kết quả	42.57	93.29	94.78	84.78	
Năm học 2015-2016	Chỉ tiêu	≥ 43%	≥ 90%	≥ a	≥ 83%	
	Kết quả	48.25	91.89	90.00	88.13	
Năm học 2016-2017	Chỉ tiêu	≥ 45%	≥ 92%	≥ a	≥ 85%	
	Kết quả	54.19	94.95	100.00	86.27	
Năm học 2017-2018	Chỉ tiêu	≥ 53%	≥ 93%	≥ a	≥ 85%	
	Kết quả	61.17	98.48	100.00	91.02	
Năm học 2018-2019	Chỉ tiêu	≥ 55%	≥ 94%	≥ a	≥ 85%	
	Kết quả	56.16	96.47	99.66	94.17	

Ghi chú: a là tỷ lệ tốt nghiệp bình quân toàn thành phố

c) Công tác định hướng phân luồng cho học sinh được nhà trường hết sức quan tâm. Lực lượng giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn là người tư vấn trực tiếp và thường xuyên cho học sinh. Bên cạnh đó, nhà trường cũng tổ chức một số hoạt động định hướng nghề nghiệp chung cho học sinh như tọa đàm, bản tin tuyển sinh... Kết quả tốt nghiệp trung học phổ thông cao, kết quả trúng tuyển Đại học năm sau cao hơn năm trước và đều đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường đã chứng minh hiệu quả của công tác định hướng phân luồng cho học sinh của nhà trường [H5-5.6-04].

Mức 2:

a) Bảng số liệu dưới đây đã cho thấy, kết quả học lực và hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá. Tỷ lệ học sinh có học lực khá – giỏi và hạnh kiểm khá – tốt ngày càng tăng, tỷ lệ học sinh có học lực yếu – kém và hạnh kiểm trung bình – yếu được kéo giảm [H5-5.6-01].

Số liệu	Năm học 2014- 2015	Năm học 2015- 2016	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại học lực khá – giỏi	42.57	48.25	54.19	61.17	56.16	
Tỷ lệ học sinh xếp loại học lực yếu – kém	18.92	16.74	11.40	7,08	14,81	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá – tốt	93.29	91.89	94.95	98.48	96.47	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình – yếu	5.72	7,19	4,14	1,31	2,96	
Tỷ lệ tốt nghiệp phổ thông	94,78	90,00	100,00	100,00	99,66	

b) Cũng qua bảng số liệu trên, ta thấy rằng tỉ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hàng năm đều có sự tiến bộ và đều cao hơn hoặc bằng tỉ lệ bình quân các trường trong huyện Củ Chi. Hai năm học gần đây (2016 – 2017, 2017 – 2018), tỷ lệ tốt nghiệp là 100% [H5-5.6-03].

Mức 3:

Tỉ lệ học sinh giỏi hàng năm đạt trên 20% (yêu cầu đạt từ 10%).

Tỉ lệ học sinh khá hàng năm đạt trên 30% (yêu cầu đạt từ 25%).

Tỉ lệ học sinh yếu – kém: thường dao động ở khoảng 6% – 8% (yêu cầu: không quá 5%).

Tỉ lệ xếp loại hạnh kiểm khá – tốt hàng năm đều đạt trên 90% (yêu cầu đạt từ 90%) [H5-5.6-01].

Tỉ lệ HS bỏ học còn cao, thường ở mức 4% – 6% (yêu cầu: không quá 1%).

Tỉ lệ HS lưu ban khá cao, thường ở mức 10% – 12% (yêu cầu: không quá 2%).
[H5-5.6-05]; [H5-5.6-06].

Qua bảng số liệu bên dưới và phân phân tích các chỉ số đạt được, nhà trường chưa đạt được các yêu cầu về khống chế tỉ lệ học sinh yếu – kém, chưa thành công trong việc

giảm thiểu số lượng học sinh lưu ban, bỏ học.

Số liệu	Năm học 2014- 2015	Năm học 2015- 2016	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	13.97	17,45	21,70	27,10	21,39	
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	28.60	30,80	32,49	34,07	34,77	
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu – kém	18.92	16,74	11,40	7,08	14,81	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá – tốt	93.29	91.89	94.95	98.48	96.47	
Tỷ lệ lưu ban	10.01	8,61	7,76	4,49	3,44	
Tỷ lệ bỏ học	5,21	3,26	5,97	4,49	2,39	

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ học sinh khá – giỏi vượt chỉ tiêu đề ra và được nâng cao qua từng năm. Tỉ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông luôn cao hơn tỉ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông bình quân toàn thành phố.

3. Điểm yếu

Tỉ lệ học sinh yếu – kém, nghỉ bỏ học còn cao dẫn đến hiệu suất đào tạo thấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn và cán bộ quản lí nhà trường cùng vào cuộc, nỗ lực vận động học sinh không bỏ học.

Tổ bộ môn tìm biện pháp nâng cao chất lượng học tập của học sinh, giảm tỉ lệ học sinh yếu – kém.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật

Quan tâm giúp đỡ học sinh khó khăn, học sinh có khó khăn trong học tập và rèn luyện học tập tốt, Thực hiện đầy đủ, đúng chương trình giáo dục phổ thông. Hình thức,

phương pháp phù hợp với đối tượng học sinh.

Bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh yếu đạt được kết quả khả quan nhất định.

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn. Chú trọng hoạt động hướng nghiệp cho học sinh khối 12, đồng thời giáo dục kỹ năng sống cho học sinh toàn trường.

Điểm yếu cơ bản

Tỷ lệ học sinh nghỉ bỏ học, tỉ lệ học sinh yếu kém, lưu ban còn khá cao.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:

- Mức 1: 6/6 tiêu chí
- Mức 2: 6/6 tiêu chí
- Mức 3: 1/4 tiêu chí

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:

- Mức 1: 0/6 tiêu chí
- Mức 2: 0/6 tiêu chí
- Mức 3: 3/4 tiêu chí

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

- Số lượng tiêu chí đạt Mức1: 28/28 Tỉ lệ: 100%.
 - Số lượng tiêu chí không đạt Mức 1: 0/28 Tỉ lệ: 0%.
 - Số lượng tiêu chí đạt Mức 2: 28/28 Tỉ lệ: 100%.
 - Số lượng tiêu chí không đạt Mức 2: 0/28 Tỉ lệ: 0%.
 - Số lượng tiêu chí đạt Mức 3: 11/20 Tỉ lệ: 0.55%.
 - Số lượng tiêu chí không đạt Mức 3: 9/20 Tỉ lệ: 0.45%.
- Mức đánh giá của Trường Trung học phổ thông Quang Trung: Mức 2;
- Trường Trung học phổ thông Quang Trung đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và chuẩn Quốc gia Mức độ 1./.

Củ Chi, ngày 02 tháng 7 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

